



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC MẠNG LƯỚI REDD+ VÀ FLEGT TẠI VIỆT NAM

(DỰ THẢO LẦN 1)

Nguyễn Vinh Quang & Nguyễn Việt Dũng

Hà Nội, tháng 2/2014

Lời cảm ơn

Nghiên cứu “Đánh giá hiệu quả các mạng lưới REDD+ và FLEGT tại Việt Nam” được thực hiện bởi Tổ chức Forest Trends và Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature). Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn các tổ chức, cá nhân đã cung cấp thông tin, hỗ trợ và tạo điều kiện giúp đỡ trong quá trình thực hiện nghiên cứu và hoàn thiện Dự thảo báo cáo này. Dự thảo báo cáo sẽ được trình bày tại Hội thảo chia sẻ kết quả nghiên cứu, do hai cơ quan trên đồng tổ chức ngày 12/03/2014 tại Hà Nội. Nghiên cứu được thực hiện với sự hỗ trợ về tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương Quốc Anh (DFID) và Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD). Các quan điểm thể hiện trong báo cáo phản ánh quan điểm của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức nơi các tác giả công tác, cũng như quan điểm của nhà tài trợ.

Mục lục

Lời cảm ơn	ii
Danh sách các Bảng	iv
Danh sách các Sơ đồ	iv
Danh sách các Hình	iv
Danh sách các từ viết tắt	v
Tóm tắt	vii
1 Giới thiệu	8
2 Mục tiêu Nghiên cứu	9
3 Phương pháp và Phạm vi Nghiên cứu	9
4 Kết quả nghiên cứu và thảo luận	10
4.1 Quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức và vận hành của Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT	10
4.1.1 Mạng lưới REDD+	10
4.1.2 Mạng lưới VNGO-FLEGT	15
4.2 Đánh giá hiệu quả hoạt động mạng lưới	23
4.2.1 Hiệu quả Mạng lưới REDD+	23
4.2.2 Hiệu quả Mạng lưới VNGO-FLEGT	30
5 Đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới	40
5.1 Đề xuất cải thiện Mạng lưới REDD+	40
5.2 Đề xuất cải thiện mạng lưới VNGO-FLEGT	42
6 Đề xuất liên kết mạng lưới	42
6.1 Phân tích cơ hội và thách thức	42
7 Kết luận	45
Phụ lục	47

Danh sách các Bảng

Bảng 1: Nhóm và số đối tượng được phỏng vấn	10
Bảng 2: Số thành viên Mạng lưới VNGO/FLEGT	20
Bảng 3: Trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ cấu Mạng lưới VNGO-FLEGT.....	21
Bảng 4: Tổng hợp thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia	26
Bảng 5: Thông tin về Hoạt động của các Tiểu nhóm kỹ thuật (đến tháng 2/2014).....	28
Bảng 6: Những điểm tương đồng và khác biệt của hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT	43

Danh sách các Sơ đồ

Sơ đồ 1: Cấu trúc tổ chức thực hiện hoạt động REDD+ tại Việt Nam.....	14
Sơ đồ 2: Tổ chức hoạt động liên quan đến đàm phán VPA/FLEGT tại Việt Nam.....	16
Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức và quan hệ làm việc của Mạng lưới VNGO-FLEGT	19

Danh sách các Hình

Hình 1: Tỷ lệ thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia thuộc các nhóm tổ chức khác nhau ..	27
Hình 2: Tỷ lệ số tổ chức có thành viên tham gia Mạng lưới REDD+ Quốc gia.....	27

Danh sách các từ viết tắt

BĐH	Ban điều hành
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BDS	Hệ thống chia sẻ lợi ích
BVPTR	Bảo vệ phát triển rừng
CoC	Chuỗi hành trình sản phẩm
COP	Conference of Parties
CRD	Phát triển nông thôn miền Trung
DFID	Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương Quốc Anh
DOSTIC	Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác Quốc tế
ĐSQ	Đại sứ quán
EFI	Viện Lâm nghiệp Châu Âu
EU	Liên minh Châu Âu
FAO	Tổ chức Nông Lương của Liên hợp quốc
FCPF	Quỹ Đối tác Các-bon ngành Lâm nghiệp
FFI	Tổ chức Bảo tồn Động Thực vật Quốc tế
FIPI	Viện Điều tra Quy hoạch Rừng
FLEGT	Chương trình Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản
FORWET	Trung tâm bảo tồn rừng và đất ngập nước
FPD	Cục Kiểm lâm
FPIC	Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước, và được cung cấp thông tin
HTQT	Hợp tác Quốc tế
ICRAF	Trung tâm Nông Lâm Thế giới
INGO	Tổ chức phi chính phủ quốc tế
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
KHCN	Khoa học Công nghệ
KHCN&HTQT	Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế
KHHĐ	Kế hoạch hành động
KHLN	Khoa học Lâm nghiệp
LD	Định nghĩa gỗ hợp pháp
LIA	Đánh giá tác động sinh kế
MRV	Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định
MTQG	Mục tiêu quốc gia
NGO	Tổ chức phi chính phủ
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NORAD	Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy
NRAP	Chương trình hành động REDD+ quốc gia

NTP-RCC	Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi Khí hậu
PanNature	Trung tâm Con người và Thiên nhiên
PBM	Giám sát đa dạng sinh học có sự tham gia
PCM	Giám sát các-bon rừng có sự tham gia
PCP	Phi chính phủ
PFM	Giám sát rừng có sự tham gia
PGA	Đánh giá Quản trị Lâm nghiệp có sự tham gia
PRAP	Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh
PVS	Phòng vấn sâu
QĐ	Quyết định
QG	Quốc gia
QLR	Quản lý rừng
RECOFTC	Trung tâm vì Con người và Rừng
REDD+	Giám phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các-bon rừng
REL	Đường phát thải tham chiếu
RL	Đường tham chiếu
SDC	Cơ quan Hỗ trợ Phát triển và Hợp tác Thụy Sĩ
SNV	Tổ chức Phát triển Hà Lan
STWG	Tiểu nhóm kỹ thuật
TLAS	Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ
TLN	Thảo luận nhóm
TNMT	Tài nguyên Môi trường
ToR	Điều khoản tham chiếu
TƯ	Trung ương
TWG	Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+
UNDP	Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc
UN-REDD	Chương trình REDD+ của Liên hợp quốc
VN	Việt Nam
VNFOREST	Tổng cục Lâm nghiệp
VNGO-CC	Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ Việt Nam về Biến đổi Khí hậu
VNGO-FLEGT	Mạng lưới FLEGT của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam
VPA	Hiệp định Đối tác Tự nguyện
VRO	Văn phòng REDD+ Việt Nam
WWF	World Wildlife Fund/Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên
XHDS	Xã hội Dân sự

Tóm tắt

Việt Nam tham gia hai sáng kiến quốc tế Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các-bon rừng (REDD+) từ 2009 (chuẩn bị thực thi REDD+); và Tăng cường Thực thi lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (FLEGT) của Liên minh Châu Âu (EU) từ 2010 (chính thức đàm phán Hiệp định Đối tác Tự nguyện VPA trong khuôn khổ FLEGT). Hai sáng kiến này được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy quản trị tốt hơn ngành lâm nghiệp, đồng thời gia tăng các lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở Việt Nam.

Cơ chế thực thi REDD+ và VPA/FLEGT đều yêu cầu có sự tham gia tích cực và hiệu quả của nhiều bên liên quan. Mạng lưới REDD+ quốc gia được thành lập để tham mưu, hỗ trợ cho tiến trình thực hiện các sáng kiến về REDD+ tại Việt Nam. Trong khi với VPA/FLEGT, Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ Việt Nam về Thực thi lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (VNGO-FLEGT) cũng được hình thành nhằm tác động và đóng góp vào tiến trình đàm phán giữa Chính phủ Việt Nam và EU. Các mạng lưới này đã và đang có những đóng góp nhất định cho việc chuẩn bị và thực thi REDD+ và VPA/FLEGT.

Từ tháng 11/2013 đến tháng 02/2014, Tổ chức Forest Trends phối hợp với Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) thực hiện nghiên cứu đánh giá hiệu quả của cấu trúc quản lý và vận hành của hai mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT tại Việt Nam. Nghiên cứu tập trung xem xét về mức độ tham gia của các bên liên quan, nâng cao nhận thức và năng lực và khả năng tác động đến tiến trình xây dựng và phát triển chính sách liên quan.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hai Mạng lưới REDD+ và FLEGT đã tạo ra được diễn đàn cho nhiều bên quan tâm tham gia thảo luận và chia sẻ thông tin liên quan; đã có đóng góp nhất định trong việc nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực về các vấn đề liên quan REDD+ và FLEGT/VPA cho các bên tham gia; và đặc biệt đã có tác động trong việc xây dựng chính sách liên quan và hỗ trợ quá trình đàm phán VPA.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những mặt còn hạn chế cần khắc phục bao gồm:

- Đối với mạng lưới REDD+: Thiếu tiếng nói quyết định định hướng hoạt động của mạng lưới; Vai trò điều phối của cơ quan quản lý mờ nhạt; Sự phụ thuộc vào hỗ trợ của các Dự án/Tổ chức có Dự án; Thiếu nhân sự có năng lực để thảo luận hiệu quả; Sự cam kết của các bên tham gia chưa cao.
- Đối với mạng lưới VNGO-FLEGT:.....

Nghiên cứu kết luận rằng mặc dù có một số vấn đề nhất định nhưng sự tồn tại và tiếp tục duy trì Mạng lưới là cần thiết. Nghiên cứu khuyến nghị cần có một số thay đổi nhằm cải thiện những điểm hạn chế và phát huy những điểm mạnh, giúp tăng cường hiệu quả hoạt động của hai mạng lưới..... Nghiên cứu cho rằng có cơ hội kết nối hai Mạng lưới

1 Giới thiệu

Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng (REDD+) là một sáng kiến mới của quốc tế được khởi sướng từ COP 11 (2005) tại Montreal, Canada. Việt Nam bắt đầu thực hiện chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+ từ năm 2009 với nhiều hỗ trợ, cả tài chính và kỹ thuật, từ các dự án do nước ngoài và các tổ chức quốc tế.¹

Tháng 9/2009 Bộ NN&PTNT, với sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của một số tổ chức quốc tế, đã thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia (với 21 tổ chức thành viên ban đầu) và Tổ công tác REDD+ (13 tổ chức và cá nhân).² Tổ công tác REDD+ được tổ chức thành 6 tiểu nhóm kỹ thuật (STWG) liên quan, bao gồm: (i) Tiểu nhóm kỹ thuật về Mức phát thải cơ sở/Đo đếm, Báo cáo và Thẩm định (REL/MRV), (ii) Tiểu nhóm kỹ thuật về Quản trị rừng, (iii) Tiểu nhóm kỹ thuật về Sự tham gia của khu vực tư nhân/Liên kết khối doanh nghiệp, (iv) Tiểu nhóm kỹ thuật về Các biện pháp đảm bảo an toàn (Safeguards), (v) Tiểu nhóm kỹ thuật về Triển khai thực tế tại địa phương (Local Implementation), và (vi) Tiểu nhóm kỹ thuật về Tài chính và chia sẻ lợi ích. Mạng lưới REDD+ quốc gia có chức năng điều phối chung và hỗ trợ xây dựng sẵn sàng thực hiện REDD+ tại Việt Nam, cùng với những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, như đã được nêu trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi Khí hậu giai đoạn 2009-2015 (NTP-RCC).

Từ tháng 5/2010, Việt Nam chính thức bắt đầu đàm phán với Liên minh Châu Âu (EU) về Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA). Đây là một trong các nội dung thuộc Chương trình Hành động của EU về tăng cường Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (FLEGT). Theo VPA, Việt Nam và EU sẽ xây dựng và thống nhất về xác định gỗ hợp pháp (LD) và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS). Đạt được VPA sẽ giúp các sản phẩm gỗ từ Việt Nam đáp ứng các yêu cầu về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ khi tiếp cận thị trường EU. Tính đến tháng 2/2014, quá trình đàm phán vẫn đang diễn ra. Việt Nam đã thành lập Ban chỉ đạo FLEGT và Lacey, Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey để tham mưu, hỗ trợ cho Chính phủ trong tiến trình đàm phán với EU. Đồng thời, với sự hỗ trợ của EU, 2 Nhóm kỹ thuật là (1) Nhóm xây dựng định nghĩa gỗ hợp pháp (LD) và (2) Nhóm xây dựng Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS), đã được thành lập. Với sự hỗ trợ của FERN—một tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Mạng lưới FLEGT của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam (VNGO-FLEGT) cũng đã được thành lập. Mục tiêu ban đầu của Mạng lưới VNGO-FLEGT là nhằm hỗ trợ cho những cộng đồng và người dân hiện đang quản lý và bảo vệ rừng được nói lên tiếng nói của mình và có sự tham gia có chất lượng trong quá trình đàm phán và thống nhất giữa Việt Nam và EU đối với VPA.

Mạng lưới REDD+ Quốc gia tại Việt Nam đã tồn tại và hoạt động được hơn 4 năm và Mạng lưới VNGO-FLEGT được hơn 2 năm. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu về cơ chế quản lý và vận hành của hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT, và hiệu quả của cơ chế quản lý và vận hành này xét về khía cạnh xây dựng năng lực và chia sẻ thông tin cho các bên tham gia, và tác động đến tiến trình ra quyết định chính sách. Nghiên cứu cũng mong muốn chỉ ra

¹ Nghiên cứu gần đây của Forest Trends về các nguồn tài chính hỗ trợ REDD+ tại Việt Nam cho thấy, tính đến tháng 7/2013, Việt Nam đã có 85,9 triệu USD được cam kết hỗ trợ cho REDD+, cho giai đoạn 2009-2017.

² Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN, ngày 16/09/2009 thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia và Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+.

những điểm cần cải thiện, thay đổi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của 2 mạng lưới, đồng thời rút ra bài học cho các mạng lưới nói chung.

2 Mục tiêu Nghiên cứu

Mục tiêu chính của nghiên cứu là nhằm đánh giá hiệu quả của cấu trúc quản lý và vận hành của hai mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT tại Việt Nam, tập trung xem xét về mức độ tham gia của các bên liên quan, nâng cao nhận thức và năng lực và khả năng tác động đến tiến trình xây dựng và phát triển chính sách liên quan. Mục tiêu cụ thể của nghiên cứu bao gồm:

- 1) Tìm hiểu cấu trúc tổ chức, quản lý, và cơ chế vận hành của hai mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT tại Việt Nam;
- 2) Xác định hiệu quả hoạt động của hai mạng lưới về mức độ tham gia của các bên liên quan, nâng cao nhận thức và năng lực và khả năng tác động đến tiến trình xây dựng và phát triển chính sách liên quan;
- 3) Đề xuất biện pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của 2 mạng lưới.

3 Phương pháp và Phạm vi Nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cả số liệu thứ cấp và sơ cấp. Nguồn thông tin thứ cấp là các văn bản, quyết định của Nhà nước liên quan đến việc hình thành, tổ chức và hoạt động của hai mạng lưới, các báo cáo của một số dự án liên quan, các biên bản cuộc họp. Phần lớn các tài liệu thứ cấp liên quan đến mạng lưới REDD+ được thu thập từ trang web <http://vietnam-redd.org/>. Thông tin thứ cấp liên quan đến FLEGT/VPA được thu thập từ các trang web của Tổng cục Lâm nghiệp (<http://tongcuclamnghiep.gov.vn>), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam--VIFORES (<http://vietfores.org>), Trung tâm Con người và Thiên nhiên (<http://www.thiennhien.net>), Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (www.srd.org.vn), v.v...

Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm đối với các bên liên quan, bao gồm các tổ chức/cá nhân đã và đang và đã từng tham gia các cuộc họp/thảo luận của các mạng lưới REDD+ và/hoặc VNGO-FLEGT. Họ là những cán bộ, chuyên gia, nhà nghiên cứu thuộc Tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGOs), Nhà tài trợ, Tổ chức phi chính phủ trong nước (NGO), Viện/Trung tâm nghiên cứu, cơ quan báo chí; hoặc là những chuyên gia tư vấn độc lập.³ Nghiên cứu không chú trọng vào khía cạnh hoạt động kỹ thuật của các thiết chế liên quan và tính đến tháng 2/2014, nghiên cứu chưa tham vấn được cấp địa phương và cơ quan quản lý cấp trung ương.

Quá trình thu thập thông tin (cả sơ cấp và thứ cấp) được thực hiện từ tháng 11/2013 đến tháng 2/2014. Bảng sau tổng hợp nhóm và số đối tượng được phỏng vấn (cung cấp thông tin sơ cấp).

³ Đối tượng phỏng vấn, theo thiết kế nghiên cứu, có bao gồm các cán bộ chuyên viên thuộc các cơ quan/văn phòng chính phủ liên quan đến REDD+ và FLEGT. Tuy nhiên tính đến tháng 2/2014, nhóm nghiên cứu chưa phỏng vấn được trường hợp nào thuộc đối tượng này.

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

Bảng 1: Nhóm và số đối tượng được phỏng vấn

TT	Nhóm đối tượng*	Số lượng	Tham gia REDD+ và FLEGT	Tham gia REDD+	Tham gia FLEGT	Hình thức PV (PVS/TLN)
1.	Nhà tài trợ (Donors)	3	1	2	0	PVS
2.	Tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGOs)	22	9	12	1	PVS và TLN
3.	Tổ chức phi chính phủ trong nước (NGO)	10	6	3	1	
4.	Cơ quan nghiên cứu, học thuật	3	2	0	1	PVS
5.	Tư vấn độc lập (freelancer)	3	1	2	0	PVS
6.	Cơ quan báo chí	1	0	1	0	PVS
	Tổng	42	19	20	3	

* Ghi chú: Danh sách phỏng vấn tính đến 12/2/2014.

Báo cáo được tổ chức với 7 phần chính. Bên cạnh 3 phần Giới thiệu, Mục tiêu và Phương pháp nghiên cứu, Phần 4 của báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu, với các nội dung về quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức và vận hành của hai Mạng lưới; Hiệu quả hoạt động của mạng lưới xét về cơ cấu tổ chức và vận hành, sự tham gia của các bên liên quan, hiệu quả nâng cao nhận thức và năng lực, và tác động của mạng lưới đến tiến trình xây dựng và phát triển chính sách liên quan. Các kết luận riêng có mỗi Mạng lưới cũng được nêu trong phần này. Phần 5 của báo cáo trình bày các đề xuất cho mỗi Mạng lưới nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động Mạng lưới tốt hơn nữa. Phần 6 phân tích cơ hội và thách thức để liên kết hai Mạng lưới, và đề xuất phương án liên kết. Phần cuối cùng, Phần 7, là kết luận chung của nghiên cứu.

4 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1 Quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức và vận hành của Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT

4.1.1 Mạng lưới REDD+

Quá trình hình thành

Từ sau COP13 năm 2007, Chính phủ Việt Nam đã phối hợp với một số tổ chức quốc tế⁴ tổ chức triển khai công tác chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+ tại Việt Nam. REDD+ chính thức trở thành một trong những hợp phần quan trọng nhằm ứng phó với BĐKH của Việt Nam, như được nêu trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi Khí hậu (NTP-RCC), được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định 158/QĐ-TTg tháng 12/2008. Sau khi NTP-RCC được phê duyệt, hoạt động chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+ đã được giao cho Bộ NN&PTNT chủ trì và triển khai ngay trong năm 2009. Theo đó, với sự hỗ trợ của các đối tác phát triển quốc tế và phi chính phủ nước ngoài, tháng 9/2009 Bộ NN&PTNT ra Quyết định số 2614/QĐ-BNN-LN thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia và Tổ Công tác Kỹ thuật

⁴ Việt Nam là một trong số ít quốc gia sớm tham gia Chương trình UN-REDD và Quỹ Đối tác Các-bon ngành Lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng Thế giới.

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

REDD+ (TWG). Do trong thực tế có nhiều vấn đề kỹ thuật khác nhau liên quan đến REDD+ nên TWG đã đề xuất thành lập các Tiểu nhóm kỹ thuật khác nhau nhằm tạo điều kiện cho các bên quan tâm làm việc sâu hơn đối với những vấn đề cụ thể. Các Tiểu nhóm kỹ thuật theo đó cũng được lần lượt thành lập, bao gồm:

- (i) Tiểu nhóm MRV giải quyết các vấn đề số liệu thống kê, điều tra rừng, quản lý số liệu và MRV;
- (ii) Tiểu nhóm Quản trị REDD+ tập trung vào các vấn đề quản trị REDD+; cơ cấu của chính phủ và tăng cường năng lực; chính sách, quy định lâm nghiệp; kết nối với các cơ quan khác của chính phủ;
- (iii) Tiểu nhóm tài chính cho REDD+ và chia sẻ lợi ích;
- (iv) Tiểu nhóm thực hiện REDD+ tại địa phương tập trung vào các vấn đề thực hiện REDD+ tại cấp huyện và xã, tăng cường năng lực, chuyển đổi sinh kế cho người dân nông thôn, cộng đồng dân tộc thiểu số;
- (v) Tiểu nhóm Khu vực Tư nhân;
- (vi) Tiểu nhóm các Biện pháp Đảm bảo An toàn (Safeguards).

Tháng 1/2011, Ban Chỉ đạo thực hiện sáng kiến “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon của rừng (REDD+)” tại Việt Nam (gọi tắt là Ban Chỉ đạo về REDD+ Việt Nam)⁵, đã được thành lập dưới sự ủy quyền của Thủ tướng và do Bộ trưởng Bộ NN&PTNT chủ trì. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo REDD+ Quốc gia là điều phối mọi nỗ lực và hoạt động của các cơ quan chính phủ ở cấp trung ương và địa phương, các tổ chức tư nhân, tổ chức phi chính phủ, tổ chức dân sự xã hội và các đối tác phát triển trong quá trình thực hiện REDD+. Văn phòng REDD+ Việt Nam (VRO)⁶ cũng được thành lập trong tháng 1/2011 chức năng là văn phòng thường trực cho Ban Chỉ đạo REDD+ của Việt Nam, và nhằm hỗ trợ, định hướng và điều phối các bên liên quan trong thực hiện REDD+ tại Việt Nam.

Năm 2011 trang web (<http://www.vietnam-redd.org>) về REDD+ ở Việt Nam cũng được xây dựng và đi vào hoạt động (do Văn phòng REDD+ Việt Nam quản lý) với sự hỗ trợ của Chương trình UN-REDD Việt Nam Pha 1, với mục đích cung cấp kiến thức cơ bản về REDD+, chia sẻ thông tin bằng cả tiếng Anh và Việt về các chính sách và tiến trình thực hiện REDD+ ở Việt Nam. Một địa chỉ thư điện tử (email), red-network-vn@googlegroups.com, cũng được thiết lập nhằm hỗ trợ các thành viên cung cấp/chia sẻ thông tin trực tiếp đến mỗi thành viên mạng lưới.

Đối với địa phương, Tổ công tác REDD+ cấp tỉnh và cấp huyện cũng được thành lập ở những tỉnh có các Dự án/hoạt động liên quan đến REDD+ nhằm chỉ đạo và điều phối các hoạt động liên quan tại địa phương.

Tóm lại, ngay sau khi Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi Khí hậu (NTP-RCC) được phê duyệt, Bộ NN&PTNT đã ra quyết định thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia và Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+. Sáu Tiểu nhóm Kỹ thuật cũng được hình thành và hoạt động với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của các đối tác phát triển quốc tế và phi chính phủ nước ngoài. Ban Chỉ đạo REDD+ và Văn phòng REDD+ Việt Nam cũng được thành lập nhằm điều phối tất cả các nỗ lực và hoạt động liên quan. Gần đây, tại những tỉnh có các hoạt động REDD+, Tổ Công tác cấp tỉnh cũng được thành lập nhằm hỗ trợ xây dựng Kế hoạch

⁵ Quyết định 39/QĐ-BNN-TCCB, ngày 7/1/2011 thành lập Ban chỉ đạo REDD+ Việt Nam.

⁶ Quyết định 18/QĐ-TCLN-VP, ngày 19/1/2011 thành lập Văn phòng REDD+ Việt Nam.

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

Hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP), đồng thời chỉ đạo và điều hành thực hiện các hoạt động REDD+ thí điểm tại địa phương.

Chức năng nhiệm vụ

Mạng lưới REDD+ Quốc gia, theo Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN, có chức năng điều phối chung và hỗ trợ xây dựng sẵn sàng thực hiện REDD+ tại Việt Nam. Nhiệm vụ của Mạng lưới REDD+ Quốc gia gồm:

- Xây dựng kế hoạch hành động, bao gồm lộ trình, thiết kế và thực hiện tất cả các bộ phận cấu thành của hệ thống REDD+ quốc gia hiệu quả cho Việt Nam;
- Thiết lập các mốc thời gian và thời hạn hoàn thành từng bộ phận cấu thành của kế hoạch hành động;
- Chia sẻ kinh nghiệm và bài học với các bên liên quan trong thực hiện REDD+;
- Thường xuyên rà soát và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động, thiết kế và thực hiện các biện pháp khắc phục khiếm khuyết trong quá trình thực hiện;
- Đảm bảo mọi hoạt động hỗ trợ cho việc xây dựng và thực hiện các biện pháp REDD+ ở Việt Nam phù hợp và nhất quán với kế hoạch hành động;
- Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+ có chức năng hỗ trợ cho hoạt động của Mạng lưới REDD+ Quốc gia về các khía cạnh kỹ thuật và hành chính. Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+ có các nhiệm vụ:

- Lên danh sách và cập nhật các nhà tài trợ cho việc xây dựng và thực hiện REDD+ ở Việt Nam;
- Phối hợp với các bên liên quan, xác định dự án REDD+ thí điểm ở Việt Nam;
- Rà soát các chương trình hiện có và trong kế hoạch với các đối tác phát triển liên quan đến kế hoạch hành động;
- Viết báo cáo thường niên của Việt Nam cho COP (15) và các công ước quốc tế liên quan khác;
- Thực hiện hoạt động hàng chính, quản lý tài chính cho các khoản ngân sách phân bổ cho Mạng lưới REDD+ Quốc gia để đảm bảo mạng lưới hoạt động thông suốt và đúng chức năng;
- Tổ chức các cuộc họp Mạng lưới REDD+ Quốc gia.

Cơ cấu tổ chức / Các tổ chức tham gia

Theo Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN, Mạng lưới REDD+ Quốc gia ban đầu có 21 tổ chức/cá nhân thành viên là các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Bộ NN&PTNT (7 đơn vị/cá nhân: Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ HTQT của Bộ, Vụ KH, Vụ TC, Vụ KHCN của Bộ, Vụ Pháp chế, Văn phòng Điều phối Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp), Bộ KHĐT (1 đơn vị: Vụ Kinh tế Nông nghiệp), Bộ TNMT (1 đơn vị: Cục Khí tượng và BDKH), và Văn phòng Chính phủ; các Nhà tài trợ (4 đại diện: ĐSQ Na Uy, ĐSQ Phần Lan, ĐSQ Hà Lan, GTZ/GIZ); các đối tác phát triển quốc tế (4 tổ chức: UNDP, FAO, JICA, SDC); và các tổ chức/đơn vị nghiên cứu liên quan (3 tổ chức: ICRAF, ĐH Lâm nghiệp, Viện KHLN VN). Một điểm đáng chú ý là thời điểm thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia, không có tổ chức PCP VN nào là thành viên.

Cũng theo Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN, Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+ ban đầu được thành lập với 13 nhóm thành viên, trong đó cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ NN&PTNT có 4 đại diện là lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp, các chuyên viên và Văn phòng Điều phối Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp, Bộ TNMT có 1 đơn vị: Cục Khí tượng và BDKH; Các đối tác

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

phát triển quốc tế và nhà tài trợ có 4 đại diện là UNDP, FAO, JICA, GTZ/GIZ; và đại diện các tổ chức nghiên cứu liên quan có 4 đại diện từ Viện KHLN VN, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (FIPI), ĐH Lâm nghiệp, và ICRAF.

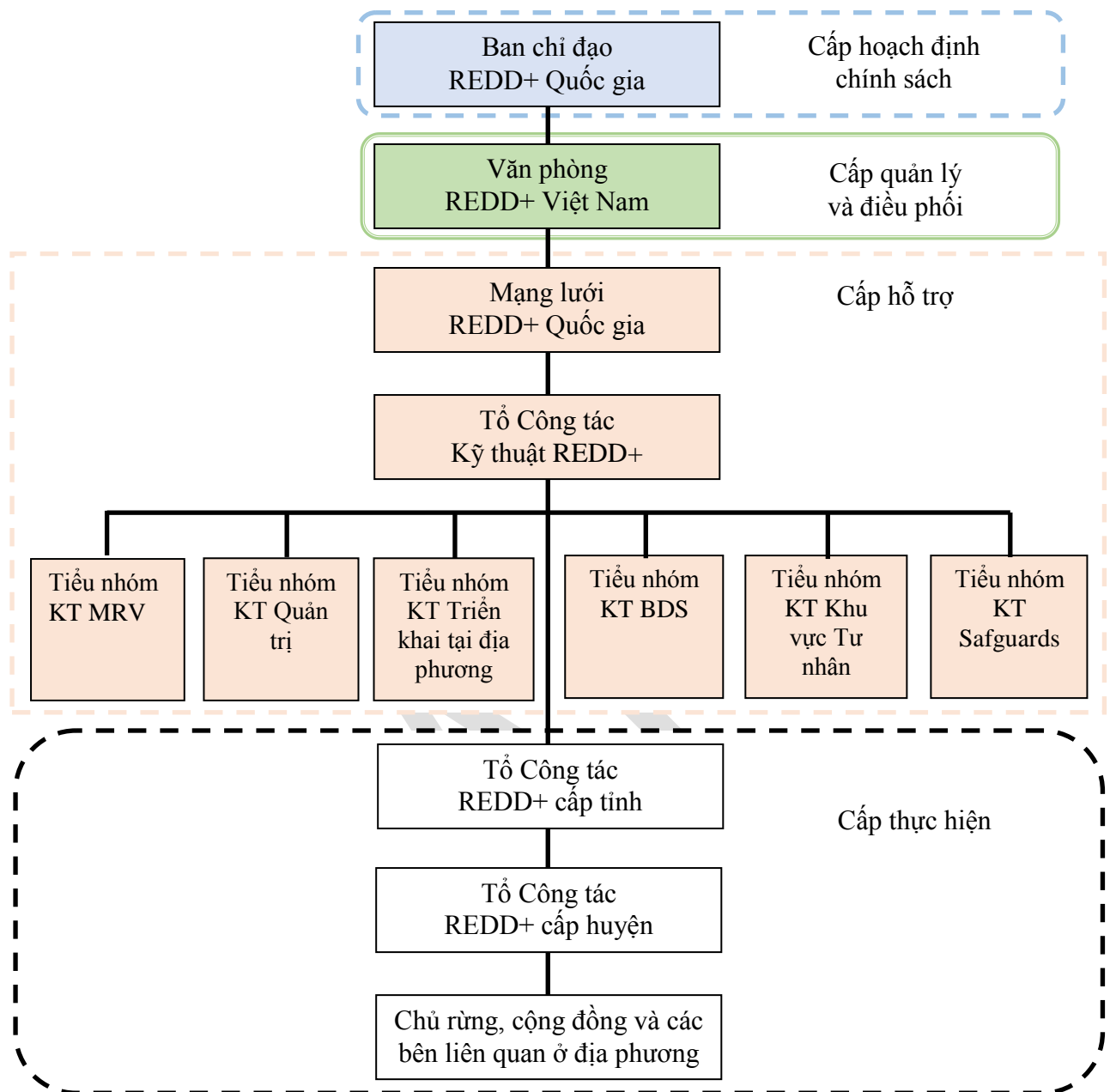
Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN đã nêu rõ, danh sách thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia cũng như thành viên Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+ là danh sách mở, tức bất kỳ tổ chức, cá nhân nào quan tâm, dù ở cấp Trung ương hay địa phương, đều có thể tham gia. Các bên quan tâm và có nguyện vọng tham gia có thể gửi thư kèm thông tin liên quan (tên tổ chức, tên cá nhân, địa chỉ email,...) cho Ban thư ký đăng ký tham gia. Ban thư ký chịu trách nhiệm bổ sung vào danh sách thành viên cũng như cập nhật địa chỉ email vào mailing list của địa chỉ red-network-vn@googlegroups.com. Vì lý do này, tính đến hết 31/12/2013, tức sau hơn 4 năm, Mạng lưới REDD+ Quốc gia đã có 199 thành viên, trong đó 165 cá nhân xác định được thuộc 79 tổ chức, 5 cá nhân là tư vấn độc lập, và 29 cá nhân không xác định thuộc tổ chức cụ thể nào. Ngoài những tổ chức/cá nhân đã nêu trong Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN, thành viên của Mạng lưới REDD+ Quốc gia còn có thêm các đại diện của các tổ chức phi chính phủ, đối tác phát triển quốc tế như Ngân hàng Thế giới, RECOFTC, SNV, FFI, WWF, CARE International, Forest Trends, v.v.... Đáng chú ý là đã có một số tổ chức phi chính phủ địa phương—đối tượng không có trong danh sách thành viên đầu tiên—đăng ký trở thành thành viên của Mạng lưới REDD+ Quốc gia.

Cơ cấu quản trị và ra quyết định / Tổ chức thực hiện, quản lý và cơ chế vận hành

Đối với REDD+, về phía chính phủ Việt Nam Bộ NN&PTNT được giao chịu trách nhiệm triển khai chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+ ở cấp trung ương. Đối với Mạng lưới REDD+ Quốc gia, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT, đồng thời là Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, được phân công chủ trì Mạng lưới. Mạng lưới có vị trí Đồng chủ trì được thống nhất là một đối tác phát triển. Nhiệm kỳ đồng chủ trì đầu tiên được xác định là 2 năm, do Đại sứ quán Na-Uy chịu trách nhiệm. Các tổ chức/cá nhân còn lại là thành viên bình đẳng của Mạng lưới. Mạng lưới cũng có vị trí thư ký do Văn phòng Điều phối Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp đảm nhiệm. Tổ Công tác Kỹ thuật hiện nay do lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp làm Trưởng nhóm, và một Cán bộ Đầu mối phụ trách Văn phòng REDD+ Quốc gia làm Phó trưởng nhóm. Các Tiểu nhóm Kỹ thuật, khi có hoạt động, được đồng chủ trì bởi VRO và một đại diện tổ chức hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho hoạt động của Tiểu nhóm đó. Cụ thể,

- Tiểu nhóm MRV do VRO và FAO/UN REDD I đồng chủ trì;
- Tiểu nhóm Quản trị do FPD và FFI đồng chủ trì (sau đó RECOFTC và PanNature thay FFI);
- Tiểu nhóm tài chính REDD+ và chia sẻ lợi ích do VRO và CERDA/UN REDD I đồng chủ trì;
- Tiểu nhóm thực hiện REDD+ tại địa phương do VRO và SNV đồng chủ trì;
- Tiểu nhóm Khu vực Tư nhân do Ban các tổ chức lâm nghiệp và Forest Trends đồng chủ trì; và
- Tiểu nhóm các Biện pháp Đảm bảo An toàn do VRO và SNV đồng chủ trì.

Sơ đồ sau mô tả cấu trúc tổ chức thực hiện hoạt động REDD+ tại Việt Nam.



Sơ đồ 1: Cấu trúc tổ chức thực hiện hoạt động REDD+ tại Việt Nam

Nguồn: FCPF 2012.

Về cơ chế vận hành, Mạng lưới REDD+ Quốc gia họp định kỳ hàng quý nhằm tổng hợp tình hình và đưa ra những quyết định điều chỉnh phù hợp. Tổ công tác kỹ thuật và các Tiểu nhóm kỹ thuật nhóm họp định kỳ tương ứng 3 và 2 tháng một lần. Các hoạt động của Tiểu nhóm Kỹ thuật chủ yếu là các cuộc họp trao đổi và chia sẻ những vấn đề kỹ thuật liên quan, hoặc cập nhật hoạt động của các tổ chức/các dự án về REDD+. Trước mỗi cuộc họp, các bài trình bày, thông tin về chương trình, thời gian, địa điểm họp sẽ được các tổ chức/cá nhân liên quan gửi đến tất cả các thành viên của Mạng lưới thông qua địa chỉ email chung red-network-vn@googlegroups.com và/hoặc yêu cầu Đơn vị điều phối là VRO đăng tải trên trang web <http://www.vietnam-redd.org> của Mạng lưới. Những cá nhân quan tâm có thể đăng ký tham gia trực tiếp với VRO.

4.1.2 Mạng lưới VNGO-FLEGT

4.1.2.1 Bối cảnh và quá trình hình thành mạng lưới

a. Bối cảnh/Đàm phán VPA/FLEGT giữa Việt Nam và EU

Hiệp định đối tác tự nguyện (VPA, Voluntary Partnership Agreement) về Chương trình hành động thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại gỗ (FLEGT) là hiệp định thương mại cấp chính phủ giữa Liên minh Châu Âu (EU) và chính phủ của các quốc gia đối tác xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào EU. Mục đích của Hiệp định này là đảm bảo gỗ và đồ gỗ vào thị trường EU có nguồn gốc hợp pháp, đồng thời hỗ trợ duy trì và mở rộng xuất khẩu gỗ, đồ gỗ của các doanh nghiệp thông qua hệ thống cấp phép FLEGT, đáp ứng những yêu cầu thay đổi của thị trường EU từ tháng 3/2013.

Về phía Việt Nam, cơ quan chủ trì đàm phán là Bộ NN-PTNT với sự tham gia của các Bộ Ngoại giao, Tư pháp, Công Thương, Tài chính và Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam. Phía EU, cơ quan chủ trì đàm phán là Tổng cục Môi trường thuộc Phái đoàn EU tại Brussels, Bỉ với sự hỗ trợ của Viện Lâm nghiệp Châu Âu (EFI). Khởi động tiến trình đàm phán từ đầu tháng 5/2010, đến nay Việt Nam và EU đã chính thức tiến hành 3 phiên đàm phán cấp cao về Hiệp định VPA/FLEGT vào các tháng 11/2010, 11/2011 và 11/2012, không kể 7 cuộc họp cấp chuyên viên và 15 cuộc họp trực tuyến giữa hai bên⁷. Mặc dù thời hạn về dự kiến kết thúc đàm phán vẫn chưa xác định cụ thể, nhưng hai bên cơ bản đã thống nhất cấu trúc nội dung của Hiệp định (khoảng 30 điều) và 10 Phụ lục kèm theo. Một trong những phụ lục quan trọng nhất của Hiệp định VPA/FLEGT chính là Định nghĩa gỗ hợp pháp của Việt Nam, bao gồm các quy định liên quan đến khai thác, nhập khẩu, vận chuyển, chế biến đến khi xuất khẩu sản phẩm gỗ ở các khía cạnh khác nhau (đất đai, môi trường, thuế/tài chính, lao động mà các chủ rừng là hộ gia đình và tổ chức phải tuân thủ. Phụ lục này là nền tảng để xây dựng Phụ lục quan trọng khác là Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp (TLAS).

Để hỗ trợ cho quá trình đàm phán, tháng 8/2010, Bộ trưởng Bộ NN-PTNT đã ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo về FLEGT và Lacey⁸ với 09 người do một Thứ trưởng phụ trách lâm nghiệp làm Trưởng ban, lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp làm Phó trưởng ban, và 07 thành viên khác là lãnh đạo của các cơ quan trực thuộc Bộ NN-PTNT (như Vụ HTQT, Vụ Kế hoạch, Vụ chế biến và thương mại), Tổng cục Lâm nghiệp (Vụ KHCN và HTQT, Vụ sử dụng rừng, Cục kiểm lâm), và Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam (VIFORES) đại diện cho khối doanh nghiệp. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ nghiên cứu và đề xuất với Bộ trưởng các định hướng và giải pháp giải quyết các vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm của Bộ NN-PTNT, phục vụ công tác chỉ đạo, phối hợp các cơ quan liên để đáp ứng các yêu cầu và quy định của FLEGT (và Lacey).

Ban chỉ đạo có trách nhiệm báo cáo cho Bộ trưởng về tiến trình, nội dung và kết quả đàm phán để có sự chỉ đạo kịp thời. Dưới Ban chỉ đạo về FLEGT và Lacey là Đoàn đàm phán VPA/FLEGT do Tổng cục Lâm nghiệp chủ trì. Giúp việc cho Ban chỉ đạo và Đoàn đàm phán là Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey, Tổ chuyên gia kỹ thuật và các Tổ công tác.

- Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp; Chánh văn phòng thường trực là Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và HTQT của Tổng cục, và tham gia thành viên của cả Tổ chuyên gia kỹ thuật và các Tổ công tác.

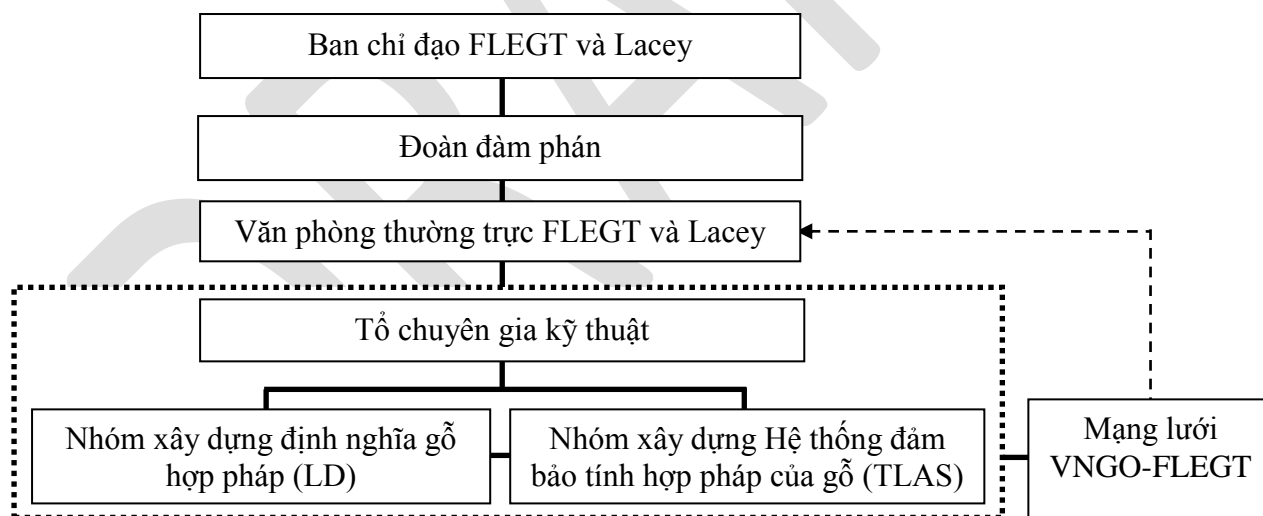
⁷ Báo cáo quá trình xây dựng và tham vấn về định nghĩa gỗ hợp pháp (phụ lục 2) của Hiệp định VPA/FLEGT giữa Việt Nam-EU ngày 24/7/2013 của Tổng cục Lâm nghiệp.

⁸ Quyết định số 2199/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/8/2010 của Bộ trưởng Bộ NN-PTNT về thành lập Ban chỉ đạo về FLEGT và Lacey.

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

- Tổ chuyên gia kỹ thuật Việt Nam: gồm có 15 thành viên từ Bộ NN-PTNT, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Lâm nghiệp, Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam và các chuyên gia có kinh nghiệm thuộc ngành lâm nghiệp và thương mại gỗ. Trưởng nhóm chuyên gia kỹ thuật là Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp. Tổ chuyên gia kỹ thuật của Việt Nam và EU trực tiếp tham gia các cuộc họp Nhóm chuyên gia kỹ thuật hỗn hợp (JEM) để bàn luận và chuẩn bị nội dung cho các phiên họp đàm phán chính thức.
- Tổ soạn thảo Định nghĩa gỗ hợp pháp: do Tổng cục Lâm nghiệp ra quyết định⁹ thành lập tháng 9/2011, gồm có 11 thành viên do Vụ trưởng Vụ sử dụng rừng làm Tổ trưởng. Ngoài đại diện các cơ quan nhà nước liên quan, thành viên Tổ này còn có đại diện Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, WWF và Viện gỗ và lâm sản ngoài gỗ.
- Tổ xây dựng Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ: do Tổng cục Lâm nghiệp ra quyết định¹⁰ thành lập tháng 9/2011, gồm có 11 thành viên do Cục trưởng Cục kiểm lâm làm Tổ trưởng. Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, WWF và Viện gỗ và lâm sản ngoài gỗ cũng là thành viên của tổ này.

Cơ cấu các bộ phận liên quan trực tiếp tham gia hoặc hỗ trợ tiến trình đàm phán của Việt Nam được thể hiện trong sơ đồ ở dưới. Trong đó, Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey đóng vai trò là cơ quan đầu mối, điều phối, chuẩn bị và hỗ trợ cho Đoàn đàm phán, Tổ chuyên gia và các Tổ công tác làm việc. Các hoạt động kết nối để tổ chức tham vấn, thu thập ý kiến góp ý của các bên liên quan cho văn kiện đàm phán VPA/FLEGT cũng thông qua Văn phòng thường trực này.



Sơ đồ 2: Tổ chức hoạt động liên quan đến đàm phán VPA/FLEGT tại Việt Nam

b. Hình thành và phát triển mạng lưới

Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ Việt Nam về Thực thi lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (VNGO-FLEGT) là một tập hợp các tổ chức ngoài nhà nước và chuyên gia quan tâm đến FLEGT và tiến trình đàm phán VPA và tự nguyện tham gia, được khởi động thành lập và vận hành từ tháng 01/2012. Đây là một sáng kiến do FERN - một tổ chức phi chính phủ về giám sát các chính sách lâm nghiệp của Liên minh Châu Âu (EU) đề xuất và

⁹ Quyết định 424/QĐ-TCLN-KH&HTQT ngày 06/9/2011 của Tổng cục lâm nghiệp về thành lập Tổ soạn thảo Định nghĩa gỗ hợp pháp.

¹⁰ Quyết định 423/QĐ-TCLN-KH&HTQT ngày 06/9/2011 của Tổng cục lâm nghiệp về thành lập Tổ xây dựng Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ.

thúc đẩy nhằm kết nối và hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ Việt Nam tham gia vào tiến trình đàm phán VPA/FLEGT giữa Việt Nam và EU đang diễn ra. Sáng kiến tương tự cũng đã được FERN thực hiện ở các quốc gia đàm phán, ký kết VPA với EU ở Châu Phi như Liberia, Ghana hoặc Cameroon.

Từ đầu năm 2011, chuyên gia của FERN tiếp xúc với một số tổ chức NGOs của Việt Nam để giới thiệu về FLEGT và tiến trình đàm phán VPA của Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh cần có sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự để chuyển tải tiếng nói của các cộng đồng địa phương có lợi ích liên quan đến thực hiện VPA/FLEGT vào hoạt động chuẩn bị và đàm phán của nhà nước. Các tổ chức NGOs hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và phát triển cộng đồng được khuyến cáo phối hợp với nhau thực hiện sáng kiến này dưới hình thức mạng lưới. Hơn 10 tổ chức NGOs ở khu vực phía Bắc và Nam đã được tham vấn, nhưng chỉ có 04 cơ quan ở Hà Nội thực sự quan tâm và ủng hộ sáng kiến này là Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển vùng cao (CERDA), Trung tâm Phát triển bền vững miền núi (CSDM), Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) và Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững (SRD). Bốn tổ chức này xác lập thành nhóm nòng cốt để phát triển mạng lưới.

Tại cuộc họp đầu tiên vào cuối tháng 12/2011, các tổ chức nòng cốt đã thống nhất thành lập Ban điều hành mạng lưới (BDH) do tổ chức SRD làm Trưởng ban do đã có kinh nghiệm quản lý và điều hành Mạng lưới các tổ chức xã hội dân sự về Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, còn CERDA, CSDM và PanNature là thành viên BDH. Các nhiệm vụ ban đầu của BDH để phát triển Mạng lưới gồm có:

- Dự thảo quy chế mạng lưới và mời các tổ chức NGOs tham gia mạng lưới;
- Đề xuất hoạt động chính của Mạng lưới trong năm đầu tiên (2012) để tiếp nhận tài trợ từ FERN và giao cho SRD quản lý tài trợ dự án cho Mạng lưới;
- Bàn luận cơ chế làm việc giữa các tổ chức BDH và với thành viên Mạng lưới; và
- Góp ý cho dự thảo (5) của phụ lục Định nghĩa gỗ hợp pháp (LD) của Việt Nam theo thông báo của Tổng cục Lâm nghiệp.

Sau 2 năm hoạt động, mạng lưới VNGO-FLEGT đã phát triển về số lượng thành viên (với hơn 30 tổ chức đăng ký tham gia) và mở rộng cũng như phạm vi hoạt động, tạo nên diễn đàn cho các tổ chức phi chính phủ học hỏi và đóng góp vào tiến trình đàm phán VPA/FLEGT của Việt Nam với EU học hỏi. Mạng lưới đã có những thay đổi căn bản về cơ cấu BDH, khả năng tiếp cận đến các bên liên quan VPA/FLEGT và nguồn lực hoạt động. Tuy nhiên, tương lai và giá trị của mạng lưới này sẽ bị thách thức bởi tầm nhìn, hiểu biết, lựa chọn nội dung hoạt động phù hợp cũng như khả năng thúc đẩy sự tham gia và đóng góp có chất lượng của các thành viên mạng lưới.

4.1.2.2 Mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của mạng lưới

a. Mục tiêu

VNGO-FLEGT nhằm mục tiêu chính là tham gia, đóng góp tích cực và có giá trị vào quá trình đàm phán và thực thi VPA/FLEGT giữa Chính phủ Việt Nam và EU, từ đó góp phần thực hiện kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Việt Nam, thúc đẩy chính sách cho phép cộng đồng địa phương sống trong rừng và dựa vào rừng được tiếp cận, sử dụng, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng một cách công bằng và bền vững. Mạng lưới thực hiện mục tiêu này thông qua:

- Liên kết các thành viên mạng lưới trong các hoạt động liên quan đến VPA/FLEGT;
- Tăng cường năng lực và thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng vào quá trình đàm phán và thực thi VPA/FLEGT giữa Chính phủ Việt Nam và EU;

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

- Liên kết với các tổ chức và mạng lưới khác trong và ngoài nước trong việc chia sẻ và học hỏi các thông tin, kinh nghiệm liên quan đến VPA/FLEGT; và
- Tham vấn với Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan liên quan, các đối tác trong nước và quốc tế trong các vấn đề liên quan đến VPA/FLEGT.

Thông qua mạng lưới, các tổ chức phi chính phủ địa phương sẽ được tăng cường hiểu biết và năng lực để tham gia vận động đảm bảo các quyền và giá trị xã hội và môi trường của các cộng đồng dân cư lâm nghiệp địa phương trong nội dung đàm phán VPA/FLEGT với phía EU nói riêng và quá trình xây dựng, cải cách chính sách lâm nghiệp quốc gia nói chung.

b. Nhiệm vụ

- Chia sẻ thông tin, kinh nghiệm về các vấn đề liên quan tới VPA/FLEGT với các bên liên quan trong và ngoài nước;
- Hỗ trợ các tổ chức thành viên nâng cao năng lực liên quan tới VPA/FLEGT;
- Điều phối các hoạt động liên quan đến VPA/FLEGT giữa các tổ chức thành viên nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới;
- Phản ánh các thông tin liên quan VPA/FLEGT từ cộng đồng địa phương tới Tổng cục Lâm nghiệp và các bên liên quan khác.

c. Nguyên tắc: Theo quy chế của mạng lưới, các thành viên tham gia phải tuân thủ các nguyên tắc sau: tự nguyện, cam kết, bình đẳng và dân chủ, tự chủ, công khai minh bạch và thông tin kịp thời.

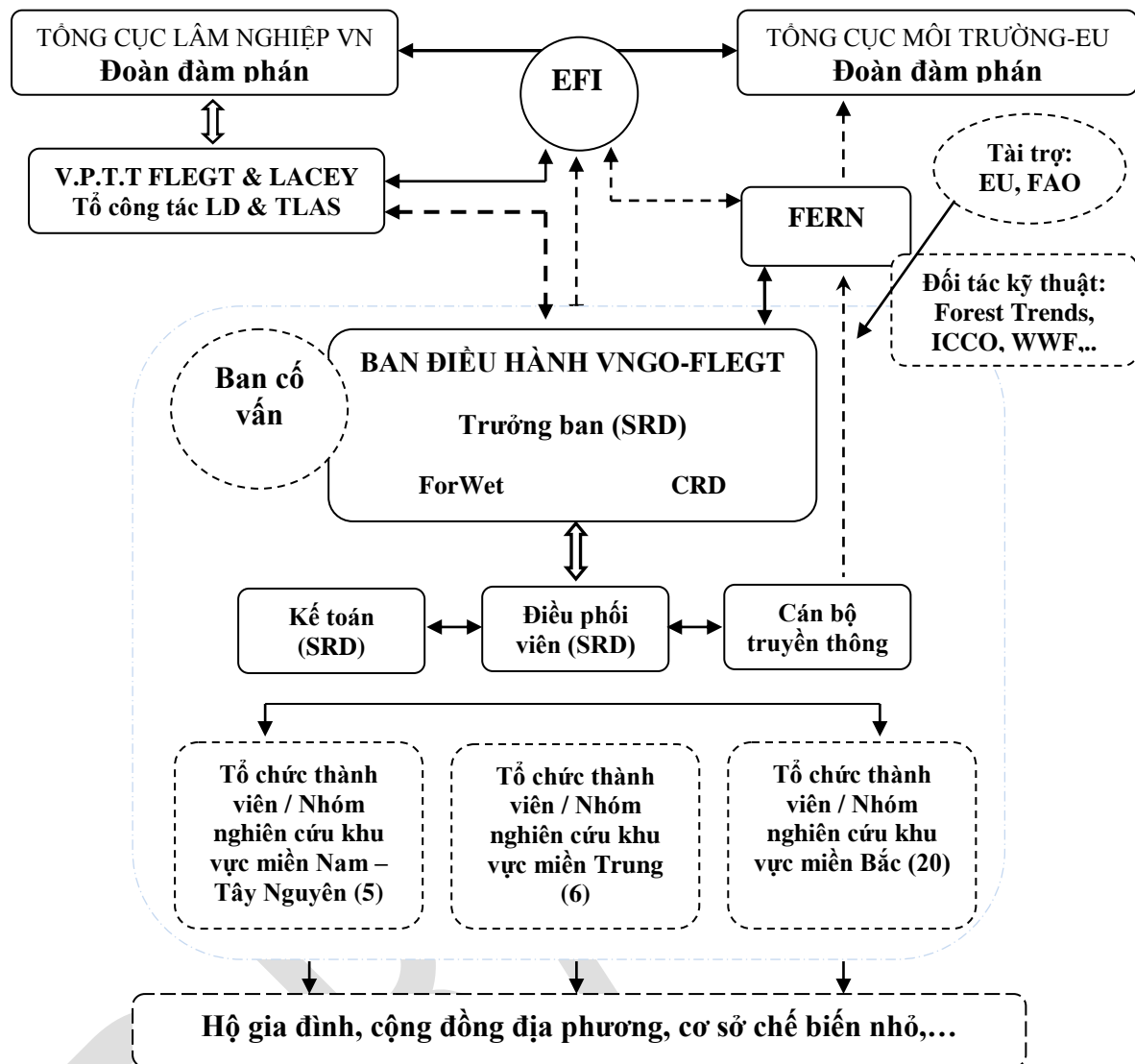
4.1.2.3 Cấu trúc tổ chức mạng lưới

Mạng lưới VNNGO-FLEGT là một tập hợp các tổ chức phi chính phủ và cá nhân tự nguyện tham gia nhằm kết nối và đóng góp cho tiến trình đàm phán và thực hiện VPA/FLEGT của Việt Nam. Mạng lưới là một thiết chế không chính thức, không có tư cách pháp nhân nhưng có tính mở và hoạt động độc lập. Đến tháng 12/2013, mạng lưới có 32 thành viên đăng ký tham gia và được tổ chức theo cấu trúc như sơ đồ dưới đây, gồm có 03 bộ phận chính: (i) Ban điều hành mạng lưới; (ii) Thành viên mạng lưới; và (iii) Cố vấn mạng lưới.

a. Ban điều hành mạng lưới

BĐH hiện tại của mạng lưới gồm có đại diện của 04 tổ chức là SRD, PanNature, Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung (CRD) và Trung tâm bảo tồn rừng và đất ngập nước (FORWET). Đây là BĐH mới được hình thành từ tháng 10/2012 sau khi 2 tổ chức nòng cốt ban đầu là CERDA và CSDM rút khỏi BĐH và từ chối tham gia mạng lưới do những bất đồng về phối hợp quản lý và thực hiện dự án tài trợ. 3/4 số tổ chức thành viên BĐH hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp là ForWet, CRD và PanNature.

Nhiệm vụ Trưởng ban điều hành được phân công cho Giám đốc của SRD, và tổ chức này cũng đảm nhận vai trò là cơ quan đầu mối tiếp nhận, quản lý, điều phối và triển khai các dự án của Mạng lưới. Hỗ trợ cho BĐH là Điều phối viên Mạng lưới và cán bộ kế toán là nhân sự của SRD, và một cán bộ truyền thông là nhân sự của PanNature. Ngoài ra, trực tiếp tham gia và chi phối vào tất cả hoạt động của BĐH còn có Trưởng phòng ĐKKH của SRD và đại diện khác của CRD, nên trên số lượng thành viên thực tế của BĐH hiện tại là 06 người.



Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức và quan hệ làm việc của Mạng lưới VNGO-FLEGT

b. Thành viên mạng lưới

Thông báo mời gọi các tổ chức NGO Việt Nam tham gia Mạng lưới VNGO-FLEGT được SRD và các tổ chức BDH công bố vào giữa năm 2012 sau khi dự án đầu tiên của Mạng lưới do FERN/DFID tài trợ bắt đầu triển khai¹¹. Tính đến tháng 10/2013, Mạng lưới VNGO-FLEGT đã có 31 thành viên, là các tổ chức phi chính phủ trong nước ở cấp quốc gia và địa phương và một số chuyên gia.¹², bao gồm 12 tổ chức thành viên có văn phòng tại Hà Nội; 8 tổ chức đến từ các tỉnh miền núi phía Bắc như Cao Bằng, Yên Bái, Phú Thọ, Thái Nguyên và Hà Giang; 6 tổ chức từ miền Trung, bao gồm Thanh Hóa và Thừa Thiên Huế; và 5 tổ chức ở khu vực miền Nam và Tây Nguyên, bao gồm HCMC, Đồng Tháp và Đắk Lắk.

¹¹ Dự án “Thực thi FLEGT: Thúc đẩy quản trị rừng hiệu quả trong ngành lâm nghiệp” do FERN/DFID tài trợ giai đoạn 2012-2014 cho VNGO-FLEGT.

¹² Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD). Danh sách thành viên mạng lưới VNGO-FLEGT. Tháng 10/2013.

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

Bảng 2: Số thành viên Mạng lưới VNGO/FLEGT

Vùng	Hà Nội	Bắc (trừ Hà Nội)	Trung	Nam và Tây Nguyên	Tổng
Số tổ chức	12	8	6	5	31
%	38,7	25,8	19,4	16,1	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ nguồn SRD, tháng 10/2013.

Cơ cấu thành viên hiện tại của Mạng lưới khá đa dạng, thể hiện qua một số đặc điểm như sau:

- Có ít nhất 15 tổ chức có kinh nghiệm về hoạt động lâm nghiệp như: quản lý bảo vệ rừng, giao đất giao rừng, lâm nghiệp cộng đồng, điều tra và quy hoạch rừng;
- Có ít nhất 15 tổ chức có đã và đang thực hiện các dự án về phát triển cộng đồng, có kinh nghiệm làm việc với các cộng đồng địa phương;
- Có ít nhất 8 tổ chức có kinh nghiệm/năng lực về thực hiện các nghiên cứu thực chứng về lâm nghiệp và lĩnh vực khác;
- Có ít nhất 5 tổ chức đã từng có kinh nghiệm về phản biện, góp ý cho quá trình xây dựng chính sách của Bộ NN-PTNT hoặc tổ chức đối thoại chính sách;
- Nhiều tổ chức có kinh nghiệm về tham vấn, nâng cao nhận thức và tập huấn tăng cường năng lực cho cộng đồng;
- Có ít nhất 3 tổ chức có kinh nghiệm phối hợp với (phóng viên) báo chí trong việc thông tin các sự kiện của tổ chức (như hội thảo) hoặc cùng sản xuất các phóng sự truyền hình;
- Có ít nhất 05 cá nhân là thành viên Mạng lưới có trình độ học vị Tiến sĩ về lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn;
- Không có thành viên nào hoạt động trong lĩnh vực tư vấn pháp luật lâm nghiệp

Trong cơ cấu của mình, Mạng lưới mặc định hình thành 03 nhóm thành viên theo các khu vực và mỗi nhóm do một tổ chức thành viên BDH chịu trách nhiệm liên kết, điều phối, giám sát với các tổ chức thành viên trên địa bàn để triển khai các hoạt động dự án: SRD là trưởng nhóm miền Bắc, CRD là trưởng nhóm miền Trung, và Forwet là trưởng nhóm miền Nam. Tuy nhiên, chức năng điều phối theo khu vực hầu như không vận hành do Mạng lưới có quy mô nhỏ, ít thành viên, đã có cơ quan đầu mối là SRD chủ trì điều phối và tổ chức thực hiện các hoạt động dự án, trong khi bản thân thành viên BDH là lãnh đạo các tổ chức nên không thể có đủ thời gian để tiếp nhận thêm nhiệm vụ điều phối các tiểu mạng lưới theo khu vực, thay vào đó chính là các nhóm nghiên cứu xác lập theo từng chuyên đề cụ thể.

c. Cố vấn Mạng lưới

Thiết chế này sẽ bắt đầu được hình thành từ năm 2014 khi các chuyên gia của Forest Trends (TS. Tô Xuân Phúc) và RECOFTC (TS. Nguyễn Quang Tân) đồng ý đảm nhận vai trò cố vấn kỹ thuật cho VNGO-FLEGT theo hình thức tự nguyện. Đây là những chuyên gia có nhiều nghiên cứu và kinh nghiệm về quản trị lâm nghiệp, giao đất giao rừng, quyền cộng đồng trong lâm nghiệp, FLEGT, REDD+,... ở Việt Nam. Khi Mạng lưới bắt đầu hoạt động từ năm 2012, dự kiến mời CODE tham gia với vai trò là cố vấn đã được bàn luận nhưng không được BDH thống nhất thực hiện.

4.1.2.4 Cơ cấu quản trị và ra quyết định của mạng lưới

Cơ cấu quản trị của mạng lưới, bao gồm thẩm quyền, thủ tục ra quyết định và hình thức thực hiện được thể hiện qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới VNGO-FLEGT do SRD biên tập lại dựa theo Quy chế của mạng lưới VNGO-CC do chính tổ chức này chủ trì. Bảng dưới tóm tắt trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ cấu trong mạng lưới

Bảng 3: Trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ cấu Mạng lưới VNGO-FLEGT

Cơ cấu	Trách nhiệm và thẩm quyền	Phân công
Ban cố vấn	<p>Tư vấn cho Ban điều hành và Điều phối viên về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Định hướng chiến lược mạng lưới dựa trên kinh nghiệm quốc tế và bối cảnh trong nước; • Tư vấn về kỹ thuật lĩnh vực về lâm nghiệp nói chung, lâm nghiệp cộng đồng, chính sách và luật pháp liên quan tới VPA/FLEGT; • Thúc đẩy kết nối mạng lưới với các cơ quan chính phủ để thực hiện vận động chính sách 	Năm 2012/2013 chưa có Ban cố vấn. Năm 2014 đã có chuyên gia của Forest Trends đồng ý tham gia Ban cố vấn.
Ban điều hành	<ul style="list-style-type: none"> • Đại diện cho mạng lưới tham gia, đóng góp tích cực và có giá trị vào quá trình đàm phán và thực thi VPA/FLEGT giữa Chính phủ Việt Nam và EU; • Xây dựng định hướng, chiến lược và chương trình hoạt động cho mạng lưới; • Phê duyệt kế hoạch phát triển dài hạn (mang tính chiến lược) của mạng lưới; • Phê duyệt kế hoạch hoạt động, báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính hàng năm của mạng lưới và các dự án của mạng lưới; • Phê chuẩn điều phối viên, cán bộ truyền thông, kế toán, thủ quỹ do Trưởng Ban điều hành giới thiệu để tuyển dụng. 	Từ 4-6 người. BDH hiện tại có 04 đại diện lãnh đạo của SRD, CRD, Forwet và PanNature
Trưởng ban điều hành	<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý chung toàn bộ các hoạt động của mạng lưới, để thực hiện được các chiến lược, kế hoạch và chương trình hành động do BDH đề ra; Đại diện cho BDH trong các quan hệ giao dịch với các bên liên quan; • Chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hoạt động, báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính định kỳ của các dự án của mạng lưới; • Xúc tiến việc tìm kiếm nguồn tài chính cho hoạt động của mạng lưới; • Quản lý và chịu trách nhiệm trước nhà tài trợ về nguồn tài chính chung của mạng lưới; • Tuyển dụng và đánh giá hoạt động của điều phối viên, cán bộ truyền thông và kế toán cho mạng lưới; • Giao nhiệm vụ cho các chuyên gia tư vấn kỹ thuật về các nội dung tư vấn cho mạng lưới. 	Giám đốc SRD
Thành viên BDH kiêm Điều phối vùng Bắc, Trung và Nam	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện nhiệm vụ của BDH do Trưởng Ban phân công; • Điều phối hoạt động của mạng lưới trong khu vực; • Kết nối và mở rộng thành viên mạng lưới của khu vực được giao; • Đóng vai trò cầu nối giữa các tổ chức thành viên tại khu vực của mình với BDH và với các tổ chức thành viên khu vực khác. 	Cơ cấu này không vận hành giai đoạn 2012/2013. Chỉ mặc định theo nhóm nghiên cứu chuyên đề các khu vực.

Điều phối viên	<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý các hoạt động thường ngày của mạng lưới và các dự án của Mạng lưới; • Chuyển các thông tin cập nhật về VPA/FLEGT và những quyết định của BDH tới tổ chức thành viên; • Giữ liên lạc với đối tác và các bên liên quan hiện tại và tiềm năng; • Tham vấn ý kiến của Trưởng ban để trả lời thư hoặc yêu cầu của các bên liên quan về mạng lưới; • Viết các báo cáo hàng năm của mạng lưới và báo cáo định kỳ của dự án Mạng lưới; • Điều phối và chuẩn bị cho các cuộc họp giữa các thành viên BDH và Mạng lưới (nếu được yêu cầu); • Phát triển và bảo quản các cơ sở dữ liệu của mạng lưới và các dự án của mạng lưới. 	Cán bộ SRD
Cán bộ truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập các thông tin liên quan tới VPA/FLEGT, lâm nghiệp nói chung, lâm nghiệp cộng đồng, quản trị rừng tại Việt Nam để cập nhật trên website www.loggingoff.info và gửi tới Điều phối viên; • Phối hợp với cán bộ quản trị mạng của trang web www.loggingoff.info để quản trị trang thông tin của mạng lưới tại Việt Nam; • Là đầu mối liên lạc với giới truyền thông liên quan tới các hoạt động của Mạng lưới; • Soạn thảo thông cáo báo chí, các bài về các sự kiện mới của mạng lưới, các dự án của mạng lưới để công bố trên các phương tiện truyền thông của Việt Nam (cả tiếng Anh và Việt) theo sự phân công và phê duyệt của Trưởng ban điều hành. 	Cán bộ PanNature giai đoạn 2012/2013
Tổ chức thành viên	<ul style="list-style-type: none"> • Giữ liên lạc thường xuyên với mạng lưới; • Tham gia các cuộc họp thành viên của mạng lưới; • Tham gia xây dựng dựng chiến lược và chương trình hoạt động của mạng lưới; • Đóng góp tích cực trong các hoạt động chung (hoạt động tư vấn, phản biện chính sách, vận động tài trợ...); và • Tuân thủ điều lệ của mạng lưới 	Đến tháng 12/2013 có 31 thành viên là tổ chức NGOs và cá nhân (chuyên gia)

4.2 Đánh giá hiệu quả hoạt động mạng lưới

Phần này thảo luận hiệu quả của bản thân cấu trúc tổ chức quản lý và vận hành của hai mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT, và hiệu quả của hai mạng lưới xét trên khía cạnh (i) Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan, (ii) Nâng cao nhận thức và năng lực, và (iii) Tác động đến quá trình xây dựng và phát triển chính sách. Bài học và kết luận rút ra từ thực tế hiệu quả của mỗi mạng lưới cũng được tổng hợp ở đây.

4.2.1 *Hiệu quả Mạng lưới REDD+*

4.2.1.1 *Hiệu quả tổ chức quản lý và vận hành*

Về tổng thể, mô hình tổ chức quản lý và vận hành hiện nay của Mạng lưới REDD+ có những điểm tích cực sau:

- Mạng lưới có tính pháp lý do có quyết định thành lập của Bộ NN&PTNT, thể hiện sự quan tâm và chỉ đạo của phía cơ quan quản lý. Vì vậy điểm thuận lợi là đã có gần trách nhiệm của phía cơ quan nhà nước trong hoạt động của Mạng lưới.
- Việc hình thành và đưa vào hoạt động Mạng lưới REDD+ và trang web của mạng lưới đã tạo được một diễn đàn tốt thu hút được nhiều bên tham gia--cơ quan quản lý cấp trung ương, các nhà tài trợ quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, chuyên gia độc lập—đóng góp, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau về các vấn đề liên quan. Mạng lưới REDD+ là số ít Mạng lưới tại Việt Nam có thể đưa cơ quan quản lý và các bên liên quan ngồi chung một diễn đàn, thể hiện sự cởi mở và dân chủ. Các bên tham gia tham gia được nêu ý kiến/quan điểm của mình trực tiếp đến cấp trung ương.
- Mạng lưới có tính mở, tức các bên có thể dễ dàng tham gia, do đó tạo điều kiện và khuyến khích các bên quan tâm tham gia.
- Phía cơ quan quản lý Nhà nước đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho cá nhân được giao chịu trách nhiệm.
- Cơ chế điều hành thảo luận theo mô hình đồng chủ tọa với vị trí đồng chủ tọa cố định giúp các nội dung thảo luận được tập trung và có tính tiếp nối, kế thừa.

Bên cạnh những điểm tích cực, mô hình tổ chức quản lý và vận hành hiện tại có những mặt hạn chế sau:

- Việc hình thành 6 Tiểu nhóm kỹ thuật khác nhau như trên thực tế do các dự án REDD+ triển khai tại Việt Nam đề xuất với phía chính phủ VN để thành lập. Chi phí hoạt động của các tiểu nhóm phần lớn do những Tổ chức đề xuất hình thành tiểu nhóm chi trả mạng lưới. Chi phí cho một cuộc họp (thuê phòng họp, tea break, in ấn tài liệu, phiên dịch, ăn trưa, chi phí đi lại cho một số ít đại biểu ở các tỉnh) thường không lớn, tuy nhiên vấn đề chi phí khá quan trọng cho việc thực hiện được một cuộc họp. Nói cách khác, nó góp phần quan trọng quyết định việc một cuộc họp của một tiểu nhóm kỹ thuật có diễn ra được hay không.
- Mặc dù cơ chế điều hành hoạt động Tiểu nhóm kỹ thuật được chủ trì bởi VRO và đồng chủ trì bởi tổ chức/dự án hỗ trợ, hầu hết các cuộc họp Tiểu nhóm kỹ thuật do phía đồng chủ trì khởi xướng và chủ động đệ trình nội dung, chương trình với VRO. Phía VN chủ yếu quyết định thời gian nào tổ chức cuộc họp. Điều này cho thấy vai trò chủ động, điều phối và định hướng của cơ quan quản lý/VRO không rõ ràng.

- Văn phòng VRO đã thực hiện vai trò của mình theo chức năng nhiệm vụ được phân công. Tuy nhiên nỗ lực hỗ trợ của VRO phần lớn chỉ dừng lại ở công việc hành chính (đặt phòng họp, đăng ký đại biểu, chuẩn bị tài liệu, đưa thông tin lên trang web của Mạng lưới). Nhiệm vụ định hướng và điều phối của VRO chưa được thực hiện tốt. Thực tế VRO chỉ có 1-2 vị trí đảm đương được nhiệm vụ điều phối, tuy nhiên chất lượng điều phối hoạt động của các bên liên quan chưa cao. Hiện tượng chông chéo về hoạt động giữa các dự án vẫn diễn ra. Đối với nhiệm vụ định hướng, VRO không đạt được nhiệm vụ này.
- Các vị trí chủ chốt của VRO,... đều là những vị trí kiêm nhiệm, và nắm giữ vị trí cao trong hệ thống quản lý nhà nước, do đó cũng phần nào ảnh hưởng đến việc định hướng và điều phối hoạt động REDD+ vốn là vấn đề mới/không nhiều người hiểu đầy đủ, và hiện đang ở giai đoạn thí điểm.
- Lực lượng cán bộ chuyên môn sâu về các lĩnh vực REDD+ mỏng, chưa đảm đương tốt vai trò định hướng cho các bên liên quan thực hiện REDD+. Lực lượng mỏng một phần do hạn chế về nguồn tài chính trả lương cho cán bộ. Một số ít cán bộ VRO nhận được hỗ trợ của tài chính của một số Dự án REDD+ có mức chi trả cao hơn, số còn lại do ngân sách nhà nước, là vốn đối ứng của chính phủ Việt Nam chi trả, có mức chi trả thấp hơn.
- Cơ cấu tổ chức phức tạp, nhiều thiết chế (Ban chỉ đạo - Văn phòng REDD+ QG - Ban điều hành mạng lưới – Tiểu nhóm kỹ thuật,...) trong khi nhân sự phía cơ quan quản lý liên quan hạn chế và kiêm nhiệm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động (tính kịp thời, sâu sát, mức độ điều phối/hỗ trợ)
- Chưa có cơ chế ràng buộc/đảm bảo tuân thủ thực hiện và giám sát hoạt động
- Vai trò lãnh đạo / leadership không rõ ràng: không thực sự biết ai là người điều hành hoạt động của mạng lưới trong thực tế.
- Hoạt động của Tổ công tác kỹ thuật yếu: không liên tục, thay đổi nhân sự/người đại diện tham gia, thiếu tính kế thừa
- Mạng lưới có quyết định thành lập với nhiệm vụ rõ ràng, nhưng thành phần tham gia mở, có thể thay đổi -- ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động
- Hoạt động của mạng lưới, đặc biệt là các Tiểu nhóm kỹ thuật phụ thuộc hoàn toàn vào các Tổ chức/Dự án hỗ trợ cho hoạt động của tiểu nhóm (nội dung, lịch trình/kế hoạch, kinh phí)
- Những người co-chair không có tiếng nói quyết định (không phải là người ra quyết định) về mặt chính sách, do đó hiệu quả của các thảo luận, định hướng hoạt động và vận động không cao.
- Một nửa số Tiểu nhóm kỹ thuật không có Điều khoản tham chiếu rõ ràng
- Không có Tiểu nhóm kỹ thuật nào đạt được yêu cầu nêu trong quy định là họp định kỳ 2 tháng 1 lần. Tiểu nhóm kỹ thuật có tần suất hoạt động cao nhất là Tiểu nhóm Kỹ thuật các Biện pháp đảm bảo an toàn (trung bình 4,8 tháng họp 1 lần). Tiểu nhóm Khu vực Tư nhân có tần suất thấp nhất (14,5 tháng/lần).

4.2.1.2 Sự tham gia

- Mạng lưới đã là một diễn đàn lớn với số lượng thành viên đăng ký tham gia mạng lưới cao (199 thành viên) thuộc 79 tổ chức là cơ quan quản lý, Nhà tài trợ, INGO, VNGO, tổ chức nghiên cứu, học thuật, Công ty,... Thực tế số lượng tham gia thậm chí lớn hơn do một số tổ chức, cá nhân mặc dù không đăng ký trở thành thành viên của Mạng lưới nhưng cũng tham gia các cuộc họp tiểu nhóm kỹ thuật, khi có thông tin hoặc được mời.
- Thành viên mạng lưới là cán bộ thuộc cơ quan quản lý và VNGO rất ít (Cơ quan quản lý: chiếm 12% số thành viên, và 10% số tổ chức; VNGO: 11% số thành viên và gần

- 18% số tổ chức). Đối với nhóm cơ quan chính phủ, chỉ có duy nhất 1 người thuộc Bộ TNMT và 1 người thuộc Bộ KHĐT đăng ký làm thành viên mạng lưới REDD+.
- Cán bộ/chuyên gia của Nhà tài trợ và các INGO có dự án REDD+ chiếm phần lớn trong số thành viên Mạng lưới. Việc thu hút sự quan tâm rộng rãi của các bên là chưa nhìn thấy rõ. Phần lớn số thành viên mạng lưới thuộc các INGO là do họ có dự án REDD+.
 - Sự tham gia của các địa phương khá hạn chế. Nếu có sự tham gia thì cũng chỉ tập trung vào một số tỉnh (Lâm Đồng, Sơn La, Điện Biên), và chủ yếu là người ngoài nhà nước: cán bộ các dự án tại địa phương, cán bộ các tổ chức PCP địa phương. Một phần nguyên nhân của hiện tượng này là do thực tế sự quan tâm đến REDD+ còn ở bước sơ khởi, địa phương không nắm rõ định hướng của Trung ương đối với REDD+ ở cấp tỉnh, và đặc biệt là các cuộc họp mạng lưới chủ yếu diễn ra ở Hà Nội, trong khi các tỉnh thiếu/không có kinh phí đi lại tham dự cuộc họp. Nhiều cán bộ địa phương được tiếp xúc cho biết họ tham gia được cuộc họp là do kết hợp với các công việc khác tại Hà Nội mới có thể đi được.
 - Thông tin đăng ký không đầy đủ (thiếu địa chỉ cụ thể) do đó không xác định được cụ thể các thành viên và tổ chức tham gia Mạng lưới thuộc địa phương và vùng nào. Tuy nhiên, đại đa số các cơ quan chính phủ, Nhà tài trợ, INGO, Công ty và Tổ chức nghiên cứu, học thuật có trụ sở tại Hà Nội. Do đó có thể kết luận rằng đa số các thành viên tham gia là từ Hà Nội.
 - Quy định danh sách mở tạo điều kiện cho sự tham gia rộng rãi của các bên quan tâm. Tuy nhiên điều này lại ảnh hưởng đến chất lượng thảo luận. Qua Biên bản cuộc họp và quan sát trực tiếp, phần lớn các tổ chức PCP VN có ít, thậm chí không có những đóng góp cụ thể cho các trao đổi, thảo luận liên quan. Phần lớn tham gia để học hỏi, thu thập thông tin, và tìm cơ hội hợp tác và có được dự án/đôi tác mới. Các thảo luận, đóng góp ý kiến chủ yếu chỉ tập trung vào một số ít những chuyên gia đến từ cơ quan quản lý, các tổ chức INGO và nhà tài trợ hiện đang triển khai những dự án REDD+.
 - Thành viên tham gia cuộc họp thường không đầy đủ hoặc ngắt quãng làm giảm chất lượng thảo luận do nhiều người nêu lại vấn đề đã thảo luận ở (các) cuộc họp trước, đặt câu hỏi/nêu ý kiến không phù hợp gây mất thời gian.
 - Thiếu sự tham gia của khu vực tư nhân. Khu vực tư nhân là khu vực rất quan trọng trong việc kiểm chế hoạt động khai thác rừng bất hợp pháp, cũng như để đạt được mục tiêu tuyên truyền phổ biến về tuân thủ quy định nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.
 - Đã có những thay đổi về vai trò đồng chủ trì từ phía Tổ chức/Dự án hỗ trợ cho Tiểu nhóm kỹ thuật, phần nào ảnh hưởng đến tính sâu chuỗi của nội dung thảo luận. (Bảng 3 và các Hình 1 và 2).
 - Hiện mạng lưới đang thiếu sự tham gia của các cơ quan báo chí.

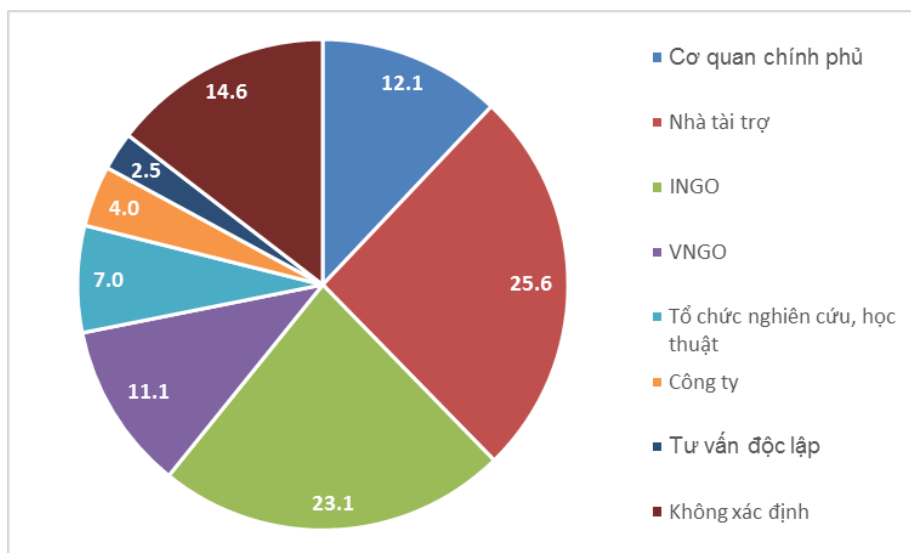
Bảng 4: Tổng hợp thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia

TT	Loại tổ chức thành viên	Số thành viên	% số thành viên	Số tổ chức	% số tổ chức	Số thành viên trung bình thuộc một tổ chức	Số thành viên tham gia nhiều nhất thuộc một tổ chức	Ghi chú
1.	Cơ quan chính phủ	24	12.1	8	10.1	3.0	6 ****	****: VRO
2.	Nhà tài trợ	51	25.6	22	27.8	2.3	11 **	** : UNDP (tính cả UN REDD thuộc UNDP)
3.	INGO	46	23.1	21	26.6	2.2	14 ***	***: SNV
4.	VNGO	22	11.1	14	17.7	1.6	5	
5.	Tổ chức nghiên cứu, học thuật	14	7.0	9	11.4	1.6	3	
6.	Công ty	8	4.0	5	6.3	1.6	3	
7.	Tư vấn độc lập	5	2.5	-	-	-	-	
8.	Không xác định	29	14.6	-	-	-	-	
	TỔNG	199	100.0	79 *	100.0 *			

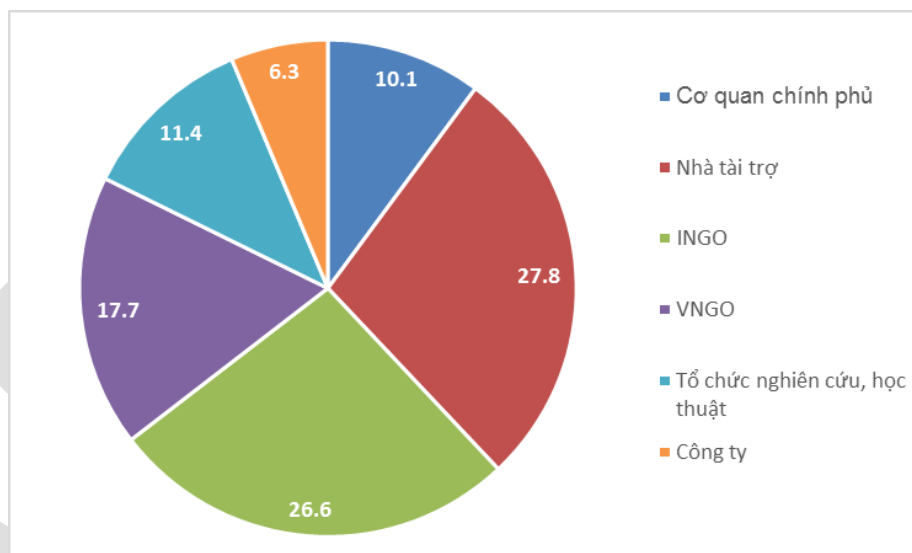
1.Cơ quan chính phủ: VRO, VNFOREST, FPD,...; 2.Nhà tài trợ/Đối tác phát triển: Các tổ chức UN, JICA, GIZ,...; 3.INGO: ICRAF, CIFOR, Forest Trends, SNV,...; 4.VNGO: CSDM, CERDA, SRD,...; 5.Tổ chức nghiên cứu/học thuật: VFU, FIPI, FISV,...; 6.Công ty: IDL, Winrock,...; 7.Tư vấn độc lập: cá nhân không gắn với tổ chức nào; 8.Không xác định được cụ thể do thiếu thông tin (chỉ có địa chỉ email – gmail/yahoo; một số trường hợp có tên nhưng không có thông tin cụ thể về tổ chức hay tự xác định là tư vấn độc lập).

*: 79 tổ chức được xác định trong tổng số 165 thành viên thuộc các tổ chức xác định được (không tính 5 thành viên là Tư vấn độc lập (không thuộc tổ chức nào) và 29 thành viên Không xác định được rõ ràng, do thiếu thông tin.

Nguồn: Danh sách các thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia (tính đến tháng 7/2013) do VRO cung cấp.



Hình 1: Tỷ lệ thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia thuộc các nhóm tổ chức khác nhau (199 thành viên)



Hình 2: Tỷ lệ số tổ chức có thành viên tham gia Mạng lưới REDD+ Quốc gia (ngoại trừ nhóm Tư vấn độc lập và Không xác định) (79 tổ chức)

Bảng 5: Thông tin về Hoạt động của các Tiểu nhóm kỹ thuật (đến tháng 2/2014)

	Một số chỉ số	Tiểu nhóm					
		MRV	LI	BDS	Khu vực tư nhân	Quản trị	SG
1.	Ngày họp đầu tiên/bắt đầu hoạt động	21/04/2010	20/08/2010	28/04/2011	20/09/2011	21/11/2011	28/02/2012
2.	Thời gian hoạt động (tháng) (tính đến tháng 2/2014)	46	42	34	29	27	24
3.	Có Điều khoản tham chiếu và Kế hoạch hoạt động cụ thể	Không	Có	Không	Không	Có	Có
4.	Số lần đã tổ chức họp	9	10	6	2	5	5
5.	Thời gian trung bình tổ chức một lần họp (tháng)	5.1	4.2	5.7	14.5	5.4	4.8
6.	Khoảng cách thời gian gần nhất giữa 2 lần họp (tháng)	<1	<2	<1	>2	<3	<2
7.	Khoảng cách thời gian lâu nhất giữa 2 lần họp (tháng)	<11	>8	<8	>2	>4	>7
8.	Số cuộc họp có đầy đủ thông tin đăng tải trên trang web của mạng lưới (số cuộc (%)) #	8 (89%)	5 (50%)	3 (50%)	0 (0%)	3 (60%)	3 (60%)
9.	Số cuộc họp có Biên bản cuộc họp được đăng tải trên trang web của mạng lưới (số cuộc (%))	8 (89%)	8 (80%)	4 (67%)	2 (100%)	3 (60%)	5 (100%)
10.	Số người tham gia trung bình một lần họp *	18.4	15.5	21.0	-	14.5	31.7
11.	Số người tham gia ít nhất trong một lần họp *	11	14	10	-	11	25
12.	Số người tham gia nhiều nhất trong 1 lần họp *	28	16	32	-	18	49
13.	Số Tổ chức tham gia trung bình một lần họp *	11.4	11.8	12.0	-	9.3	24.0
14.	Số Tổ chức tham gia ít nhất trong một lần họp * ##	7	11	5	-	6	19
15.	Số Tổ chức tham gia nhiều nhất trong 1 lần họp *	16	13	19	-	12	27

Chú thích:

* Chỉ tính trên những cuộc họp có thông tin về số người và tổ chức tham gia

#: Có đầy đủ Chương trình, các tài liệu và bài trình bày liên quan, Biên bản cuộc họp, và Danh sách người và tổ chức tham gia

##: Tư vấn độc lập được tính là một tổ chức

Nguồn: Tổng hợp từ trang web <http://vietnam-redd.org>.

4.2.1.3 Nâng cao nhận thức và năng lực

- Những điểm tích cực chính khi tham gia Mạng lưới REDD+ Quốc gia và sinh hoạt tại các Tiểu nhóm kỹ thuật:
 - o Được trao đổi kiến thức và kinh nghiệm với đồng nghiệp/những người tham gia mạng lưới
 - o Được cập nhật thông tin và học hỏi thêm về REDD+
 - o Được biết về các bên liên quan làm gì về REDD+
 - o Mở rộng được mạng lưới những người/tổ chức có hoạt động liên quan đến REDD+
 - o Có cơ hội tìm kiếm tài trợ và/hoặc cung cấp dịch vụ (tư vấn) cho cá nhân/tổ chức
 - o Nâng cao được uy tín của bản thân/tổ chức.
- Trang web của Mạng lưới REDD+ cung cấp khá đa dạng thông tin về các thảo luận, kiến thức liên quan đến REDD+ và chính sách của nhà nước. Đây là một nguồn dữ liệu tốt cho những ai muốn tìm hiểu về REDD+. Tuy nhiên mặc dù trang web đã được xây dựng đã lâu (từ 2011) nhưng nhiều thông tin liên quan không được tổng hợp và cập nhật. Thống kê các cuộc họp Mạng lưới và họp Tiểu nhóm kỹ thuật cho thấy, đến tháng 2/2014 đã có 6 cuộc họp Mạng lưới diễn ra, nhưng chỉ có 3 cuộc họp có thông tin được đưa trên mạng. Nội dung và biên bản cuộc họp của các Tiểu nhóm kỹ thuật cũng thiếu khá nhiều (điền hình Khu vực tư nhân 100%; LI, BDS: 50%; Quản trị, SG: 40%). Nhiều nội dung có đăng trên mạng chỉ có một ngôn ngữ (hoặc tiếng Anh, hoặc tiếng Việt). Những hạn chế này ảnh hưởng đến việc cập nhật thông tin/học hỏi của các bên quan tâm. Đặc biệt, trang web hiện không cập nhật các thông tin thảo luận ở cấp vùng/quốc tế. Đây là phần quan trọng nên bổ sung nhằm giúp tăng cường năng lực cho các bên liên quan.
- Các thảo luận sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn mới, từ viết tắt khó hiểu (như MRV, FPIC, REL/RL,...), một số thậm chí không dịch được sang tiếng Việt gây khó khăn cho một số người tham gia vốn không có chuyên môn phù hợp. Những tồn tại này hạn chế sự tham gia trong các thảo luận.
- Năng lực và hiểu biết về REDD+ của một số người tham gia mạng lưới, đặc biệt phía địa phương và VNGO, nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu để có thể thảo luận hiệu quả.

4.2.1.4 Tác động đến quá trình và quyết định chính sách

- Các thảo luận của Mạng lưới REDD+ đa phần là những nội dung ngành lâm nghiệp Việt Nam đang cần cải thiện. Các thảo luận này được ghi nhận đã đóng góp tích cực trong việc hình thành nên nội dung của Quyết định 799 về Chương trình Hành động REDD+ Quốc gia (NRAP) của Việt Nam. Nội dung thảo luận của Mạng lưới đã có những tác động nhất định đến việc xây dựng và phê duyệt Dự án UN-REDD Pha 2, FCPF,... lồng ghép REDD+ vào một số chính sách như Quyết định 57/Q Đ-TTg phê duyệt KH BVPTR 2011-2020,...
- Các thảo luận của các Tiểu nhóm kỹ thuật (thực chất là do các dự án chi phối) hơn là định hướng của chính phủ cần thiết lập tiểu nhóm này mà không lập tiểu nhóm khác. Nói cách khác, việc hình thành các tiểu nhóm kỹ thuật như hiện nay và nội dung thảo luận trong các cuộc họp Tiểu nhóm kỹ thuật bị chi phối bởi nhà tài trợ. Phía chính phủ thiếu định hướng rõ nét cần hoặc phải làm gì về REDD+ tại Việt Nam.
- Cơ chế đồng chủ trì các hoạt động đưa cơ quan quản lý và các bên liên quan ngồi lại với nhau, tuy nhiên phía cơ quan nhà nước thường không đưa ra các quyết định trong

quá trình thảo luận và chỉ dừng lại ở gợi mở vấn đề để thảo luận. Việc thiếu định hướng và quyết định kịp thời gây khó khăn cho các Dự án thí điểm và làm tăng chi phí.

4.2.1.5. Bài học

- Mạng lưới REDD+ đã tồn tại và hoạt động được hơn 4 năm, bước đầu đã tạo được tiếng vang và thu hút được sự tham gia của nhiều bên liên quan. Nhận thức của một bộ phận các bên tham gia về REDD+ đã có thay đổi tích cực. Mạng lưới đã có những đóng góp và tác động nhất định trong việc xây dựng và hình thành một số chính sách liên quan (NRAP, PRAP, lồng ghép nội dung REDD+ trong Chiến lược về Đa dạng Sinh học, chính sách quản lý BRV,...)
- Tuy nhiên phần lớn các thành viên tham gia là nhân sự của các nhà tài trợ, các tổ chức có dự án REDD+. Số lượng thành viên là cán bộ quản lý và tổ chức PCP địa phương khá hạn chế.
- Số lượng cán bộ có chất lượng chuyên môn liên quan từ phía cơ quan quản lý tương đối hạn chế.
- Các đóng góp có chất lượng về kỹ thuật phần lớn đến từ các chuyên gia của các nhà tài trợ và các tổ chức quốc tế có dự án REDD+. Sự tham gia của các thành phần khác chủ yếu với mục đích tìm hiểu và thu thập thông tin. Sự tham gia “mở” có ảnh hưởng đến chất lượng các thảo luận.
- Vai trò của cơ quan quản lý định hướng và điều phối mạng lưới chưa thật sự rõ ràng. Mặc dù có vai trò (đồng) chủ trì, tính quyết đoán và chủ động của cơ quan quản lý còn thấp. Các hoạt động trao đổi trong mạng lưới (họp tiểu nhóm) chủ yếu do phía những tổ chức/dự án hỗ trợ kinh phí quyết định (nội dung, ngày họp,...)
- Nội dung của phần lớn các cuộc trao đổi trong Mạng lưới do Dự án/Tổ chức có dự án quyết định, theo nội dung/định hướng của Dự án đó.
- Việc cập nhật và truyền bá thông tin chưa được làm tốt (trang web của mạng lưới không cập nhật thông tin kịp thời và đầy đủ). Chưa có sự tham gia của các đơn vị truyền thông (báo chí, truyền hình,...)

4.2.2 Hiệu quả Mạng lưới VNGO-FLEGT

4.2.2.1 Hiệu quả của cấu trúc quản lý, vận hành và huy động nguồn lực (tài chính)

a. Cơ cấu và kinh nghiệm của BDH là thế mạnh cho tổ chức mạng lưới?

a.1 Cơ cấu BDH hiện tại có ý nghĩa quan trọng về tính đại diện khu vực cho cả 3 vùng Bắc (SRD và PanNature), Trung (CRD, Huế) và Nam (Forwet, HCMC), tạo điều kiện cho mạng lưới có thể tiếp cận các nguồn lực, thông tin và thực hiện hoạt động tham vấn ở nhiều địa bàn khác nhau trên toàn quốc.

a.2 Kinh nghiệm làm việc của các tổ chức thuộc BDH được xem là phù hợp và thuận lợi cho mục tiêu của Mạng lưới. Việc giao trách nhiệm Trưởng BDH SRD là sự lựa chọn phù hợp nhất do tổ chức này đã có kinh nghiệm về thành lập, chủ trì và điều phối hoạt động của Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và BDKH (VNGO-CC) từ năm 2008, và được tổ chức tài trợ (FERN) ủng hộ từ đầu do tin tưởng vào khả năng và kinh nghiệm quản lý dự án tài trợ mặc dù SRD không phải là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp. Vai trò song hành của SRD đối với hai mạng lưới là thuận lợi trong giai đoạn đầu khi huy động và lôi kéo

được sự tham gia của các NGO có chung quan tâm đến mục tiêu về nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực xã hội dân sự và tác động lên chính sách VPA/FLEGT.

Kinh nghiệm của BDH được hỗ trợ bởi Forwet, CRD và PanNature khi cả ba tổ chức này đều tham gia hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp, nhất là các lĩnh vực về tham vấn cộng đồng, xây dựng mô hình, đánh giá chính sách và nhất là đã có mối quan hệ với các cơ quan chính sách lâm nghiệp của nhà nước là Tổng cục Lâm nghiệp cũng như các chủ thể quản lý lâm nghiệp khác cấp địa phương. Chẳng hạn, đại diện của Forwet, TS Nguyễn Chí Thành, nguyên là Phân viện trưởng Viện Điều tra và quy hoạch rừng tại miền Nam, từng là chuyên gia tư vấn nòng cốt về xây dựng chính sách lâm nghiệp về chi trả dịch vụ môi trường rừng, quy hoạch rừng phòng hộ ven biển; PanNature là thành viên tham gia Ban điều hành Chương trình đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp, có kinh nghiệm về thí điểm triển khai cơ chế đồng quản lý rừng đặc dụng; CRD có nhiều kinh nghiệm về phát triển và đào tạo cộng đồng, giao đất giao rừng và quản lý rừng cộng đồng ở khu vực các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

a.3 Với cơ cấu và lợi thế kinh nghiệm như trên, qua hai năm hoạt động, hiệu quả hoạt động của BDH đã thể hiện qua những kết quả như sau:

- Các tổ chức thành viên BDH tham gia tích cực, có trách nhiệm và cam kết cao. Đóng góp lớn nhất của các thành viên BDH chính là (i) cùng phối hợp xây dựng và thông qua kế hoạch hoạt động các dự án hàng năm của mạng lưới; (ii) cùng phối hợp phát triển và thống nhất các nội dung nghiên cứu, báo cáo nghiên cứu và nội dung góp ý cho các dự thảo văn kiện đàm phán; và (iii) tiếp cận và xây dựng mối quan hệ với Tổng cục Lâm nghiệp và Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey và các đối tác (kỹ thuật, tài chính) để chia sẻ thông tin;
- SRD đã thực hiện tốt vai trò cơ quan điều phối mạng lưới và phát triển dự án và tài trợ cho mạng lưới, gắn kết và thúc đẩy hoạt động của BDH và phát triển quan hệ hợp tác với Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey và Tổng cục Lâm nghiệp;
- Thay đổi cách thức tác động lên quá trình dự thảo chính sách VPA/FLEGT qua mối quan hệ làm việc với Tổng cục Lâm nghiệp từ “vận động” (advocacy) như đề xuất ban đầu sang “chia sẻ thông tin” (information sharing). Sự thay đổi này được xem là cách tiếp cận thích ứng trước yêu cầu phải tiếp cận và xây dựng được mối quan hệ hợp tác có tính chất xây dựng với Tổng cục lâm nghiệp và Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey, đồng thời tránh được những nhận thức mặc định về “nhạy cảm chính trị” khi tham gia tác động vào tiến trình đàm phán VPA/FLEGT (như tính chất bí mật của đàm phán hiệp định, tác động của xã hội dân sự lên chính sách nhà nước, mức độ chính xác của thông tin tham vấn và công khai thông tin,...)

b. Mạng lưới chưa có tầm nhìn và chiến lược, kế hoạch dài hạn

b.1 Sau hai năm hoạt động, mạng lưới VNGO-FLEGT chưa bàn luận hoặc xây dựng một chiến lược và kế hoạch hoạt động dài hạn. Hoạt động của mạng lưới chủ yếu vẫn dựa theo kế hoạch quý hoặc năm bám theo yêu cầu thực hiện hoạt động của các dự án cụ thể của do FERN/DFID tài trợ theo kế hoạch giải ngân hàng năm.

b.2 Một kế hoạch chiến lược của mạng lưới được cho là cần thiết, nhưng cần phải được đặt trong sự hiểu biết đầy đủ về tiến trình đàm phán và thực hiện VPA/FLEGT của Việt Nam, về lộ trình cải cách và phát triển ngành lâm nghiệp (tăng cường hiệu quả quản trị), và nhất là quá trình phát triển chính sách và luật pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Việt Nam cũng như nhận thức đúng đắn về vai trò, xu hướng và cơ hội của xã hội dân sự trong quá trình chính sách lâm nghiệp và phát triển kinh tế-xã hội nói chung của Việt Nam.

b.3 Nhận thức và tầm nhìn của các VNGO-FLEGT đã được cải thiện nhờ quá trình chia sẻ thông tin của các bên liên quan như Tổng cục Lâm nghiệp, Forest Trends và các chuyên gia lâm nghiệp qua các hội thảo do Mạng lưới tổ chức về xu hướng phát triển ngày càng tăng của ngành gỗ Việt Nam. Các thành viên cũng nhận thức được sự cần thiết phải tác động lên quá trình chính sách để nhà nước điều chỉnh và ban hành các quy định đảm bảo quyền và lợi ích hài hòa cho cộng đồng địa phương sống dựa vào rừng. Hiểu biết và kinh nghiệm thực tiễn của các tổ chức như CRD, SFMI, Forwet, Carten, CHCC về quyền của cộng đồng và dân tộc thiểu số đối với rừng đã hỗ trợ tích cực trong việc xác định các nội dung nghiên cứu nhằm hướng đến mục tiêu gắn kết cộng đồng với VPA/FLEGT.

b.4 Một lý do được xem là khách quan, có ảnh hưởng trực tiếp đến xác định định hướng hoạt động của mạng lưới đó chính là sự không chắc chắn của VPA/FLEGT do tiến trình đàm phán vẫn đang tiếp tục sau các dự kiến về khả năng ký kết bị trì hoãn trong các năm 2012 và 2013. Quy định bảo mật đối với Hiệp định đang đàm phán (theo luật pháp Việt Nam) đã ngăn cản VNGO-FLEGT tiếp cận với Đoàn đàm phán của Chính phủ để cập nhật thông tin về nội dung đàm phán và yêu cầu của từng bên đối với các nội dung liên quan đến các chính sách bảo vệ về môi trường và xã hội, bao gồm cả quyền của cộng đồng hay nguyên tắc quản trị khác (như tính minh bạch, giải trình trách nhiệm, pháp trị,...) trong hoạt động quản lý, thực thi luật pháp QLBRV hay khai thác, thương mại gỗ của Việt Nam. Mọi quan tâm và khả năng tham gia giám sát thực hiện VPA/FLEGT của mạng lưới cũng chưa được giải đáp khi đây vẫn là nội dung đàm phán chưa được hai bên thỏa thuận.

b.5 Tuy nhiên, việc quá trình đàm phán VPA/FLEGT đang tiếp tục diễn ra và nhu cầu cần phải có các dẫn liệu căn bản phục vụ cho đàm phán (như đánh giá rủi ro của VPA đối với các chủ thể lâm nghiệp; biến động của thị trường xuất nhập khẩu gỗ và khả năng kiểm soát gỗ lậu; nhu cầu tăng cường năng lực thực thi VPA cho các bên liên quan,...) được một số thành viên của Mạng lưới xem là cơ hội cho VNGO-FLEGT phát triển các kế hoạch tổng thể nhằm tham vấn và đóng góp cho tiến trình và nội dung đàm phán VPA/FLEGT của chính phủ Việt Nam cũng như giám sát sự tuân thủ sau khi Hiệp định được ký kết.

c. Các quy chế và thủ tục

c.1 Quy chế hoạt động của mạng lưới hầu như không có ảnh hưởng đến các quyết định tham gia của các cá nhân và tổ chức thành viên. Có rất ít cá nhân và tổ chức thành viên đã đọc bản Quy chế này ngoại trừ các tổ chức tham gia BÐH. Với lý do tham gia tự nguyện nên hầu như không có tổ chức nào thực sự quan tâm đến quy chế đó mặc dù không có các ràng buộc về nghĩa vụ tài chính hoặc đạo đức.

c.2 Theo yêu cầu của quản lý dự án và tài trợ, cơ quan tiếp nhận và thực hiện dự án là SRD chủ trì triển khai tất cả các dự án, trong đó thỏa thuận giao trách nhiệm cho các tổ chức thuộc BÐH hoặc đại diện các nhóm thực hiện các hoạt động thông qua hợp đồng hợp tác. Thủ tục này không ảnh hưởng đến cam kết tham gia của các thành viên khi họ đã chấp thuận. Tuy nhiên, một số thành viên cũng băn khoăn chủ thể sở hữu dự án là mạng lưới VNGO-FLEGT hay của cơ quan điều phối (SRD), và điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động mạng lưới như từ chối tham gia do không muốn đóng vai trò tư vấn thực hiện hoạt động dự án của cơ quan điều phối.

d. Quan hệ làm việc

d.1 Hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của mạng lưới thể hiện qua các hình thức và hoạt động giao tiếp của nội bộ mạng lưới, bao gồm BÐH, toàn thể mạng lưới và các nhóm chuyên đề. Trong đó, hoạt động toàn thể của mạng lưới được đánh giá là yếu nhất do không

có kế hoạch làm việc cụ thể, tùy thuộc vào tiến độ và kết quả thực hiện các hoạt động dự án, nhất là hoạt động nghiên cứu và tập huấn nâng cao năng lực. Hoạt động của BDH được xem là tích cực và hiệu quả hơn do được được duy trì khá đều đặn hàng tháng.

d.2 Họp BDH: bao gồm ít nhất 2 cuộc họp chính thức giữa kỳ và cuối kỳ mỗi năm (tại Hà Nội) và các cuộc họp khác tùy theo nhu cầu thực hiện dự án, gắn liền với các khóa tập huấn và hội thảo do Mạng lưới tổ chức để bàn luận về ý tưởng dự án mới, lập kế hoạch thực hiện các nghiên cứu,... Khi cần thiết, BDH cũng tiến hành thảo luận qua trao đổi email. Các tổ chức thành viên BDH CRD, Forwet và PanNature ký hợp đồng/thỏa thuận tham gia BDH hàng năm với SRD.

d.3 Họp toàn thể mạng lưới: thường được thực hiện khi Mạng lưới tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo. Tất cả thành viên mạng lưới được thông báo và khuyến khích đăng ký tham gia giúp chia sẻ kết quả nghiên cứu của mạng lưới, nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực cho các tổ chức NGOs.

d.4 Họp các nhóm chuyên đề: thường được thực hiện bởi các nhóm cùng (ký hợp đồng) nhận nhiệm vụ thực hiện một nghiên cứu chung trong khuôn khổ dự án thông qua gặp trực tiếp hoặc trao đổi qua skype hoặc email. Hình thức họp nhóm chuyên đề mở rộng cũng được thực hiện bằng các hội thảo báo cáo kết quả nghiên cứu của các nhóm chuyên đề và tham vấn góp ý của BDH và các chuyên gia do Mạng lưới mời. Xét theo số lượng thành viên tham gia và chương trình/nội dung làm việc, hình thức họp chuyên đề mở rộng cũng có khi là họp toàn thể mạng lưới.

4.2.2.2 Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan

a. Số lượng thành viên của mạng lưới không có nhiều thay đổi qua hai năm hoạt động với hơn 30 tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia. Tuy nhiên, xu hướng tham gia của các thành viên ngày càng giảm xuống, trong khi khả năng kết nối và cơ hội tham gia của mạng lưới với các bên liên quan ở ngoài mạng lưới ngày càng tăng lên.

b. Các thành viên của mạng lưới VNGO-FLEGT có các mức độ tham gia khác nhau tùy thuộc vai trò, mối quan tâm và khả năng bố trí nhân sự của từng tổ chức thành viên đối với 03 nhóm hoạt động chính (i) xây dựng và phát triển dự án, kế hoạch hoạt động của mạng lưới; (ii) nâng cao nhận thức và khuyến khích tham gia; (iii) tham gia thực hiện các nghiên cứu; và (iv) chia sẻ thông tin và tác động đến nội dung các chính sách/văn kiện đàm phán VPA/FLEGT của Chính phủ Việt Nam và EU.

b.1 Đối với hoạt động xây dựng và phát triển dự án, kế hoạch hoạt động của mạng lưới Đây là hoạt động dường như chỉ có tính chất “nội bộ” của 04 tổ chức thành viên BDH, trong đó SRD giữ vai trò đầu mối và chịu trách nhiệm chính. Đối với việc phát triển dự án, trong năm 2012 và 2013 các tổ chức BDH đã xây dựng một số đề xuất dự án nhằm tham gia vào tiến trình VPA/FLEGT của Việt Nam và đã được nhà tài trợ chấp thuận. Tuy nhiên, do bản thân mạng lưới chưa xây dựng được một khung chiến lược với các mục tiêu và hoạt động dài hạn nên việc phát triển các đề xuất dự án chủ yếu phụ thuộc vào khả năng và lợi ích của từng tổ chức và ưu tiên của nhà tài trợ. Cụ thể như sau:

- SRD và PanNature phối hợp chặt chẽ cùng FERN đề xuất EU tài trợ cho dự án “Thúc đẩy chương trình Thực thi lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (FLEGT) thông qua sự tham gia chủ động của các tổ chức xã hội dân sự” (2014-2016)

- SRD trực tiếp phát triển dự án “Nâng cao năng lực cho các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng sống phụ thuộc rừng để tham gia hiệu quả vào tiến trình đàm phán và thực thi VPA” do FAO tài trợ (2014)
- SRD và FERN tiếp tục phát triển dự án “Thực thi FLEGT: thúc đẩy quản trị rừng hiệu quả trong ngành lâm nghiệp” (2012-2014) do PanNature and SRD đã xây dựng khi khởi động mạng lưới
- PanNature phối hợp cùng WWF và VFI (Lào) đề xuất dự án “Cùng tiếp cận vào tiến trình xây dựng VPA/FLEGT của Việt Nam và Lào” do EU tài trợ (2014-2017)
- CRD phối hợp cùng ICCO và CORENAM đề xuất dự án “Tăng cường năng lực và sự tham gia của xã hội dân sự khu vực miền Trung vào tiến trình VPA/FLEGT” do EU tài trợ (2014-2015)

b.2 Đối với hoạt động nâng cao nhận thức cho thành viên mạng lưới

- Năm 2012 và 2013 mạng lưới đã tổ chức 6 hoạt động tập huấn và hội thảo tại Hà Nội, HCMC, Huế và Vĩnh Yên với hơn 200 lượt tham dự trong và ngoài mạng lưới. Nội dung của các hoạt động này chủ yếu liên quan đến giới thiệu FLEGT và cập nhật thông tin về tiến trình VPA/FLEGT của Việt Nam, hiểu biết chung về ngành gỗ và lâm nghiệp Việt Nam, phương pháp thực hiện một số chuyên đề nghiên cứu như LIA, cộng đồng và tính hợp pháp của gỗ, báo cáo và tham vấn kết quả nghiên cứu,... Thông tin về các sự kiện này được thông báo trong toàn mạng lưới và tới các đối tác liên quan.
- Mặc dù số lượng cá nhân tham gia các hội thảo tăng, nhưng số tổ chức thuộc mạng lưới tham dự có xu hướng giảm rõ rệt, trong khi sự hiện diện của các cá nhân và tổ chức ngoài mạng lưới (khách mời) lại có xu hướng tăng. Kết quả thống kê cho thấy có không quá 15/32 tổ chức của mạng lưới tham gia đều đặn/đầy đủ các sự kiện hội thảo, tập huấn.
- Với sự thúc đẩy và hỗ trợ của FERN, đại diện các tổ chức thành viên của VNGO-FLEGT cũng đã có nhiều cơ hội tham gia và trình bày tại các sự kiện, diễn đàn quốc tế và khu vực có liên quan như Tuần lễ FLEGT do EU tổ chức tại Brussels năm 2012, 2013 (SRD, PanNature), đối thoại VPA/FLEGT 2013 (SRD, CRD), diễn đàn quản trị và thương mại gỗ do Charham tổ chức tại London 2013 (SRD, CHCC), tập huấn về đánh giá VPA đến giảm nghèo tại Indonesia (SRD) hoặc chia sẻ kinh nghiệm VNGO-FLEGT tại Thái Lan...

b.3 Đối với hoạt động nghiên cứu và tham vấn cộng đồng

- Năm 2012 và 2013 mạng lưới đã tổ chức thực hiện 03 nghiên cứu chính (i) tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của đất rừng và gỗ/lâm sản trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; (ii) đánh giá tác động của VPA/FLEGT đối với sinh kế của cộng đồng địa phương, bao gồm đồng bào dân tộc thiểu số sống dựa vào rừng, hộ gia đình trồng rừng trên đất không có sổ đỏ, và hộ sản xuất chế biến gỗ quy mô nhỏ (LIA); và (iii) đánh giá tình hình thực hiện Luật BVPTTR có liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng dân cư.
- Theo cách tiếp cận khu vực Bắc-Trung-Nam và tự nguyện đăng ký tham gia nghiên cứu, mạng lưới đã hình thành 03 nhóm thực hiện (i) Nhóm miền Bắc bao gồm: SFMI, SRD, PanNature, CECOD, CARTEN (Yên Bái), HTX phát triển nông thôn Quan Hóa (Thanh Hóa); (ii) Nhóm miền Trung: CRD, CORENAM, Trung tâm nghiên cứu và tư vấn quản lý tài nguyên thiên nhiên, Trung tâm nghiên cứu phát triển xã hội; và (iii) Nhóm miền Nam (và Tây Nguyên): Forwet, (chuyên gia) ĐH Nông lâm HCMC và CHCC (Đắc Lắc)
- Trên thực tế chỉ có khoảng 30% số lượng các tổ chức thành viên của mạng lưới thực sự tham gia và đóng góp cho hoạt động nghiên cứu và tham vấn để tạo ra các sản phẩm (thông tin, cứ liệu) phục vụ cho quá trình tác động đến chính sách liên quan đến VPA/FLEGT mà Chính phủ Việt Nam đang đàm phán với EU. Mức độ tham gia của các

tổ chức thành viên mạng lưới chủ yếu phụ thuộc vào năng lực chuyên môn và nhu cầu của từng tổ chức hơn là sự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

b.4 Đối với hoạt động chia sẻ thông tin và tác động đến chính sách

- Quá trình tiếp cận và chia sẻ thông tin với Tổng cục Lâm nghiệp và Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey hoàn toàn phụ thuộc và do chính BDH thực hiện với vai trò chính của (lãnh đạo) Forwet và SRD trong việc xác lập các mối quan hệ phối hợp. Các sự kiện chia sẻ và tham vấn thông tin về kết quả các nghiên cứu của mạng lưới chủ yếu do SRD tổ chức. PanNature cũng tham gia hỗ trợ hoạt động này. Tuy nhiên, không có sự hiện diện của toàn bộ thành viên mạng lưới tại các hoạt động chia sẻ thông tin, mà chủ yếu là các tổ chức thành viên ban điều hành và các cá nhân tham gia các nghiên cứu chuyên đề.
- Chỉ có khoảng 30% số tổ chức thành viên mạng lưới tham gia hoạt động góp ý cho các bản dự thảo Định nghĩa gỗ hợp pháp và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (dự thảo 5, 6 và 6.3) theo yêu cầu của Tổng cục Lâm nghiệp trong các năm 2012 và 2013. Những góp ý này cũng chính là của các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia các nghiên cứu chuyên đề của mạng lưới.
- Mạng lưới chỉ tham gia ở mức chia sẻ thông tin, chưa có các hoạt động chủ động “vận động” các bên liên quan cũng như kết hợp với truyền thông để định hướng mục tiêu thay đổi nội dung chính sách (các bản dự thảo LD và TLAS) với ưu tiên nhằm đưa tiếng nói và bảo vệ lợi ích của cộng đồng địa phương sống dựa vào rừng do chưa có kế hoạch và cách thức tiến hành sẵn sàng cho vận động chính sách.

c. Kết nối và mở rộng sự tham gia trực tiếp và gián tiếp của các bên liên quan khác ngoài mạng lưới được đánh giá là một trong những thành công của VNGO-FLEGT, bao gồm kết nối với cộng đồng địa phương, kết nối với Tổng cục Lâm nghiệp - cơ quan chủ trì đàm phán của Chính phủ, và kết nối với các đối tác tài chính và kỹ thuật. Sự tham gia của các bên liên quan phản ánh sự thừa nhận về hiện diện của Mạng lưới cũng như sẵn sàng tham gia, phối hợp về các nội dung có liên quan đến VPA/FLEGT.

- Kết nối và tham gia của cộng đồng địa phương: VNGO-FLEGT không có thành viên nào đại diện cho cộng đồng địa phương có quyền lợi và trách nhiệm trực tiếp bị điều chỉnh bởi quy định dự thảo của VPA/FLEGT. Là một trong những đối tượng mục tiêu của VNGO-FLEGT nhưng cộng đồng tham gia bị động và gián tiếp qua các hoạt động tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của gỗ, đánh giá tác động của VPA đến sinh kế (LIA) và đánh giá thực hiện Luật BVPT 2004 đối với hộ gia đình và cộng đồng. Các nhóm cộng đồng địa phương mà VNGO-FLEGT đã tham vấn là nhóm dân tộc thiểu số, nhóm hộ trồng rừng trên đất không có sổ đỏ, nhóm hộ chế biến gỗ ở 10 tỉnh (Yên Bái, Bắc Kạn, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu).
- Kết nối tham gia của cơ quan đàm phán của nhà nước: Mạng lưới đã tiếp xúc và thuyết phục được sự tham gia của đại diện Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey, Vụ KHCN và HTQT, Cục Kiểm lâm vào các hội thảo chia sẻ thông tin về tham vấn cộng đồng và đánh giá tác động của VPA đến sinh kế. Như là kết quả của sự gắn kết, Tổng cục Lâm nghiệp đã đề nghị Mạng lưới đóng góp ý kiến vào các dự thảo LD và TLAS và tiếp nhận văn bản góp ý của VNGO-FLEGT. Không chỉ là sự thừa nhận hoạt động của mạng lưới, mà sự tham gia của các cơ quan Tổng cục Lâm nghiệp cũng đã giúp hình thành các hợp tác và thỏa thuận cụ thể giữa hai bên như phối hợp tổ chức Hội nghị thường niên FSSP năm 2014.
- Kết nối sự tham gia của các đối tác tài chính và kỹ thuật: bên cạnh FERN, sự hiện diện của Mạng lưới cũng đã tạo diễn đàn cho sự tham gia của các bên quan tâm khác đến tiến trình đàm phán VPA/FLEGT của Việt Nam như Forest Trends (về đánh giá tác động của

VPA đến sinh kế cộng đồng), UNDP (về đánh giá quản trị rừng có sự tham gia, PGA), SNV (xây dựng lộ trình đảm bảo an toàn môi trường-xã hội trong REDD+), WWF và ICCO. Viện Lâm nghiệp Châu Âu (EFI) đã có những hỗ trợ quan trọng về thông tin cho mạng lưới. Các quan hệ đối tác kỹ thuật cũng đã tạo điều kiện cho các tổ chức BDH tham gia các khóa tập huấn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và đối thoại ngoài biên giới Việt Nam như ở Bì, Anh, Indonesia, Thái Lan và Lào.

- Tuy nhiên, VNGO-FLEGT vẫn chưa kết nối và huy động được sự tham gia của các bên liên quan khác như khối tư nhân/doanh nghiệp, Bộ TN-MT, cơ quan truyền thông/báo chí và nhất là các mạng lưới xã hội dân sự phù hợp khác như Liên minh đất rừng (FORLAND), Liên minh quyền sử dụng đất (LANDA), Mạng lưới quyền đất rừng (LANDNet), Mạng lưới lâm nghiệp cộng đồng hoặc Mạng lưới REDD+ Việt Nam. Hiệu quả hoạt động của VNGO-FLEGT được cho là sẽ cải thiện và có sự tham gia của nhiều tổ chức hơn khi phối hợp được với các mạng lưới nói trên

4.2.2.3 Nâng cao nhận thức và năng lực của thành viên mạng lưới

a. Hiệu quả nâng cao nhận thức và năng lực của các thành viên phụ thuộc vào mức độ quan tâm và sự tham gia của họ trong các hoạt động của mạng lưới, và sự tham gia của các bên khác ngoài mạng lưới. Các ý kiến phỏng vấn đều nhấn mạnh rằng đây chính là mục tiêu quan trọng nhất của các tổ chức và cá nhân mong chờ khi đăng ký tham gia VNGO-FLEGT. Cho rằng VPA/FLEGT là lĩnh vực mới mẻ và trực tiếp liên quan đến quyền tiếp cận tài nguyên và sinh kế cộng đồng – những yếu tố mà các NGOs thành viên quan tâm, nên tham gia VNGO-FLEGT được nhìn nhận như là một cơ hội học hỏi tốt của các thành viên về các cơ chế quốc tế mới nhằm ngăn chặn khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp thông qua cải cách và tăng cường pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị lâm nghiệp, và chia sẻ lợi ích công bằng cho cộng đồng. Tuy nhiên, có rất ít các thành viên bày tỏ sự quan tâm đến tính liên kết giữa nâng cao nhận thức và tham gia hiệu quả vào quá trình chia sẻ thông tin và tác động lên các chính sách liên quan VPA/FLEGT của nhà nước;

b. Những hiểu biết về VPA/FLEGT nói chung của thành viên mạng lưới là kết quả của quá trình chia sẻ thông tin trực tiếp bởi nhiều bên khác nhau chủ yếu thông qua các hội thảo, sự kiện do mạng lưới tổ chức hoặc cơ quan khác tổ chức. Cơ cấu thông tin do các bên chia sẻ đối với mạng lưới như sau:

- Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey của Tổng cục Lâm nghiệp và các chuyên gia hỗ trợ đàm phán: thông tin tóm tắt về FLEGT và kết quả sơ bộ các bước đàm phán, nội dung các dự thảo LD và TLAS được công bố, hiện trạng về rừng và quản lý lâm nghiệp Việt Nam và ngành thương mại/chế biến gỗ. Kênh chia sẻ bao gồm: trình bày tại hội thảo, gửi tài liệu qua email, và cập nhật thông tin trên website của FSSP/Tổng cục Lâm nghiệp;
- Viện lâm nghiệp Châu Âu (EFI): thông tin cơ bản về FLEGT, tóm tắt kết quả các vòng đàm phán, kinh nghiệm tham gia của các tổ chức XHDS ở các quốc gia khác có đàm phán VPA/FLEGT với EU như Liberia, Ghana và Cameroon. Kênh chia sẻ bao gồm trình bày tại hội thảo, thảo luận với BDH và cung cấp tài liệu in sẵn;
- FERN: thông tin cơ bản về FLEGT, nội dung vận động của cộng đồng NGO ở Châu Âu đối với các VPA nói chung, kinh nghiệm tham gia của các tổ chức XHDS ở các quốc gia khác có đàm phán VPA/FLEGT với EU như Liberia, Ghana, Cameroon, nội dung các văn kiện dự án do FERN và VNGO-FLEGT cùng phát triển,... Kênh chia sẻ bao gồm trình bày tại hội thảo, trao đổi với BDH qua email, chia sẻ thông tin và tài liệu qua website www.logging-off.info và đưa các thành viên BDH tham gia các hội thảo liên quan tại Châu Âu (Bì, Anh), Thái Lan,...

- Forest Trends: thông tin về kết quả các chuyên đề nghiên cứu/đánh giá liên quan đến chuỗi hành trình gỗ ở Việt Nam (xuất nhập khẩu gỗ, doanh nghiệp, làng nghề,...), cơ cấu và tranh chấp sử dụng đất lâm nghiệp (nghiên cứu cao su), lâm nghiệp cộng đồng, phương pháp đánh giá tác động của VPA đến sinh kế cộng đồng (LIA),... Kênh chia sẻ thông tin bao gồm trình bày tại hội thảo, tập huấn nghiên cứu, chia sẻ tài liệu, thông tin qua email và mạng lưới REDD+ Việt Nam (một số thành viên của VNGO-FLEGT tham gia mạng lưới này);
- Đóng góp của chuyên gia và chia sẻ trong nội bộ mạng lưới: các chuyên gia kỳ cựu của ngành lâm nghiệp Việt Nam (như TS Nguyễn Ngọc Lung, Tô Đình Mai, Vũ Long, Nguyễn Chí Thành...) và của các tổ chức ngoài nhà nước như WWF, SNV, CH8 hay Hội nghề gỗ Đồng Kỵ cũng đã tích cực chia sẻ và tư vấn cho mạng lưới trong quá trình tham vấn các kết quả nghiên cứu do các tổ chức thành viên thực hiện. Kênh chia sẻ bao gồm đóng góp tại các hội thảo và cùng tham gia thực hiện. Bản thân các tổ chức thành viên trong mạng lưới như PanNature cũng tích cực chia sẻ các thông tin cập nhật về chính sách và pháp luật lâm nghiệp của nhà nước cho mạng lưới thông qua cung cấp Bản tin chính sách hàng quý gửi qua email và tài liệu trực tiếp.

c. Nguồn thông tin và tài liệu được chia sẻ đa dạng là kết quả đáng ghi nhận về (i) vai trò tích cực của cơ quan điều phối SRD trong việc kết nối tham gia và chia sẻ các bên liên quan; (ii) nhận thức của BDH và mạng lưới về nhu cầu thông tin phù hợp cho các thành viên; và (iii) hoạt động mạng lưới trở thành một diễn đàn (XHDS) phù hợp cho các bên liên quan quan tâm chia sẻ thông tin như là một yêu cầu đa bên tham gia của tiến trình đàm phán VPA/FLEGT và nâng cao nhận thức. Tuy nhiên, mức độ phản hồi, bàn luận, tham khảo của các thành viên mạng lưới đối với các thông tin thu nhận được rất yếu. Các thông tin có sẵn, thập chí cập nhật, liên quan đến VPA/FLEGT ít được tham khảo và trình bày trong các nghiên cứu của Mạng lưới.

d. Mặc dù thông tin chia sẻ khá đa dạng, nhưng mối quan tâm chủ yếu của mạng lưới tập trung vào LD hơn là TLAS, quyền lợi và sự tham gia của cộng đồng hơn là tổng quan về hệ thống thể chế và quản trị lâm nghiệp của Việt Nam, mục tiêu cụ thể của từng hoạt động dự án hơn là chiến lược và tiếp cận chung của toàn mạng lưới, thực hiện các hoạt động sẵn có do dự án đề xuất hơn là dựa trên nhu cầu thực tế theo nội dung đàm phán VPA/FLEGT, kinh nghiệm và thông tin sẵn có hơn là nỗ lực tìm kiếm các phát hiện mới, có tính tranh luận hoặc so sánh cao so mới các nghiên cứu tương tự đã có khác. Phạm vi và cách tiếp cận nói trên được chỉ ra là những rào cản để các thành viên VNGO-FLEGT có hiểu biết đầy đủ, đúng và tổng quan hơn về toàn bộ tiến trình VPA/FLEGT. Một trong những câu hỏi lặp lại được các thành viên quan tâm tranh luận là chủ thể nào sẽ bị tác động, điều chỉnh một khi VPA/FLEGT cho thấy tính thiếu hệ thống trong quá trình cung cấp thông tin cho các thành viên tham gia mạng lưới.

e. Mặc dù chưa có đánh giá nào để đo lường kết quả hoạt động nâng cao nhận thức của các thành viên tham gia. Nhưng một số chỉ số cho thấy nỗ lực này cần được cải thiện vì:

- Mạng lưới chưa xuất bản, công bố được tài liệu, ấn phẩm nào một cách chính thức (như báo cáo nghiên cứu, tờ rơi, bản tin); các tài liệu hiện có về VPA/FLEGT chủ yếu do các tổ chức khác như EFI, Forest Trends chia sẻ;
- Mạng lưới chưa thiết lập được trang tin điện tử riêng để chia sẻ thông tin, cập nhật hoạt động và tài liệu (nghiên cứu, hội thảo). Các tin, bài xuất bản trên websites của các tổ chức như SRD, PanNature, FERN (www.logging-off.info) ít được thông báo cho toàn mạng lưới cũng như theo dõi bởi các thành viên Mạng lưới. Một số ý kiến cho rằng các thông

tin này cần được kết nối sang các websites khác của Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm, FSSP, REDD+ Việt Nam để các cá nhân, tổ chức quan tâm dễ dàng tìm kiếm;

- Các thông tin và tài liệu về hoạt động, dự án của Mạng lưới do SRD quản lý, chưa sử dụng các công cụ để tập hợp và quản lý thông tin, tài liệu chung vào một địa chỉ để mọi thành viên có thể dễ dàng tiếp cận (như google doc)

f. Một thách thức khác cho nâng cao hiểu biết của thành viên mạng lưới chính là sự phức tạp và chưa chắc chắn về khung nội dung của VPA/FLEGT do quá trình đàm phán vẫn tiếp diễn. Đây là nguyên nhân khách quan, thách thức các thành viên mạng lưới khi có ít tổ chức thành viên quan tâm, theo dõi và trải nghiệm trong việc tham gia góp ý, đánh giá các chính sách, pháp luật của nhà nước đang xây dựng. Bản thân các dự thảo LD và TLAS bao hàm nhiều quy định của các luật và văn bản dưới luật (nghị định, quyết định, thông tư) khác nhau, như Luật BVPT 2004, Luật Đa dạng sinh học 2008, Luật BVMT 2005, Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Khiếu nại-Tô cáo,... Sự phức tạp và đa dạng của quy định luật pháp liên quan đến VPA/FLEGT và hạn chế về hiểu biết (đánh giá) pháp luật đã ảnh hưởng đến kết quả và chất lượng các nghiên cứu về tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của rừng và gỗ, phân tích thể chế về LIA, hay đánh giá thực thi Luật BVPT liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng dân cư do Mạng lưới thực hiện.

g. Các thành viên mạng lưới tham gia các hoạt động nghiên cứu khẳng định lợi ích về nâng cao kỹ năng và năng lực nói chung, nhất là phương pháp tham vấn và đánh giá tác động (LIA), kỹ năng viết báo cáo, năng lực phối hợp trong nhóm. Tuy nhiên, hiệu quả tăng cường năng lực chưa cao do thời gian tập huấn ngắn, nội dung mới khó tiếp cận, nhất là các thành viên địa phương (đối với LIA, đánh giá luật BVPT). Năng lực nghiên cứu và viết báo cáo được xem là điểm yếu nhất của các thành viên mạng lưới, trong khi năng lực về tiếp cận và tham vấn cộng đồng được xem là thế mạnh. Một số thành viên đề xuất Mạng lưới cần đánh giá lại nhu cầu tăng cường nhận thức và năng lực của toàn bộ thành viên để xây dựng kế hoạch đáp ứng, giúp quá trình tham gia hiệu quả hơn.

h. Ngoài ra, chất lượng của các hoạt động nâng cao nhận thức và năng lực của mạng lưới cũng được cho là phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của cơ quan điều phối (SRD) và BDH nói chung trong việc thiết kế các nội dung tập huấn, hội thảo, lựa chọn chuyên gia tư vấn và chuẩn bị tài liệu. Hoạt động nghiên cứu, tham vấn được xem là cơ hội tốt nhất cho tăng cường kỹ năng của các thành viên tham gia, tuy nhiên năng lực của cơ quan điều phối trong việc giám sát và yêu cầu các cá nhân đáp ứng, tuân thủ nội dung của Điều khoản tham chiếu nhiệm vụ (ToR) còn yếu. Sự phụ thuộc vào các cá nhân BDH trong việc rà soát xây dựng chương trình, ToR và các báo cáo nghiên cứu cần được hỗ trợ bởi các cố vấn, chuyên gia có kinh nghiệm, nhằm giúp cải thiện chất lượng hoạt động và sản phẩm, đồng thời là cơ hội để các thành viên học hỏi.

4.2.2.4 Tác động đến quá trình xây dựng và phát triển chính sách

a. Sự thừa nhận của Tổng cục Lâm nghiệp về sự hiện diện của VNGO-FLEGT và ủng hộ sự tham gia của mạng lưới này trong việc góp ý và chia sẻ thông tin nghiên cứu, tham vấn là kết quả của quá trình tiếp cận và xây dựng quan hệ với cơ quan chủ trì đàm phán VPA/FLEGT của BDH mạng lưới, nhất là vai trò của tổ chức ForWet và SRD. Ít nhất, trong năm 2012 và 2013 đã có 4 hội thảo của Mạng lưới có sự tham gia của lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ KHCN và HTQT, hoặc Cục trưởng Cục kiểm lâm, hoặc Chánh văn phòng thường trực FLEGT và Lacey bên cạnh sự tham gia của các cá nhân thuộc Nhóm chuyên gia kỹ thuật và các Tổ công tác soạn thảo LD và TLAS. Sự hiện diện của họ gắn liền với chia sẻ thông tin và tiếp thu các góp ý của Mạng lưới cũng như thỏa thuận các hoạt động phối hợp (như Đánh giá

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

tình hình thực hiện Luật BVPT, tổ chức Hội nghị thường niên FSSP,...). Mặt khác, các tổ chức, cá nhân thuộc BDH Mạng lưới và một số thành viên cũng được Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey, Tổng cục Lâm nghiệp mời tham dự các hội thảo tham vấn có liên quan đến VPA/FLEGT nói riêng và chính sách lâm nghiệp nói chung. Việc xác lập các mối quan hệ này được xem là cơ sở cho VNGO-FLEGT tiếp tục tham gia và tác động vào tiến trình đàm phán VPA/FLEGT.

b. Đóng góp của VNGO-FLEGT cho quá trình xây dựng và tham vấn Định nghĩa gỗ hợp pháp (Phụ lục 2) của Hiệp định VPA/FLEGT đã được Văn phòng thường trực, Tổng cục Lâm nghiệp xác nhận. Trong hai năm 2012 và 2013, mạng lưới đã tổ chức thu thập và thảo luận thống nhất các góp ý cho dự thảo LD số 5, 6 và 6.3. Theo Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey, mạng lưới và một số cơ quan nghiên cứu khác đã đóng góp khoảng 70 ý kiến cho các bản dự thảo; đồng thời các ý kiến thu thập từ tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của gỗ và tài nguyên rừng nói chung cũng do chính mạng lưới thực hiện và cung cấp cho cơ quan đàm phán VPA của Việt Nam.

c. Về chất lượng đóng góp, chưa có rà soát hoặc so sánh nào từ Tổng cục Lâm nghiệp hoặc bản thân mạng lưới để khẳng định các thông tin, góp ý của VNGO-FLEGT đã được sử dụng và điều chỉnh các nội dung dự thảo của LD. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tham vấn các bên liên quan đối với dự thảo này, Tổng cục Lâm nghiệp đã khẳng định 50% ý kiến đóng góp được tổ soạn thảo tiếp thu, 30% ý kiến cần giải thích thêm thông tin, và 20% ý kiến không được tiếp thu do không phù hợp hoặc trái với quy định của pháp luật và mâu thuẫn với ý kiến của các nhóm khác. Và ý kiến góp ý của các bên liên quan, bao gồm VNGO-FLEGT, được đánh giá là “rất tốt, hợp lý, hợp tình” thể hiện qua cấu trúc và khung nội dung của dự thảo LD đã được đồng thuận (bản 6.3).

d. Quá trình xác lập quan hệ với cơ quan đàm phán để chia sẻ thông tin và tác động lên các dự thảo chính sách được xem như chỉ là quyết định của BDH và cơ quan điều phối, hơn là của toàn Mạng lưới. Mạng lưới, một mặt, chưa có một lộ trình và kế hoạch tổng thể để đạt mục tiêu này, mặt khác có rất ít thành viên quan tâm đến các thông tin sẽ được chia sẻ ra sao hoặc kết quả tác động như thế nào. Trong khi đó, một số thành viên quan tâm lại bày tỏ sự quan ngại về tính độc lập của mạng lưới trong việc phân tích, phản biện và góp ý cho các dự thảo chính sách về VPA/FLEGT. Theo đó, các viện dẫn như “đúng đến vấn đề nhạy cảm”, “không gây khó khăn cho nhà nước” được xem là không chính đáng và phù hợp với bản chất của mạng lưới xã hội dân sự như VNGO-FLEGT. So với dự kiến ban đầu, mạng lưới hiện đang áp dụng biện pháp “chia sẻ thông tin” thay vì “vận động chính sách”, và “phối hợp và tham vấn” thay vì “đối thoại chính sách” trong quá trình tương tác với Tổng cục Lâm nghiệp – cơ quan chủ trì đàm phán VPA/FLEGT của Việt Nam.

e. Thách thức cho thực hiện mục tiêu này là mức độ quan tâm của các thành viên mạng lưới đối với các dự thảo LD và TLAS là khá thấp. Chỉ có không quá 30% số thành viên đã thực sự tham gia góp ý với các chú trọng vào quyền hưởng lợi của cộng đồng và đảm bảo tính an toàn về xã hội và môi trường trong quản lý và sử dụng rừng, khai thác và thương mại gỗ. Các thành viên tích cực góp ý có Forwet, CRD, SFMI, PanNature, SRD, CARTEN và một số chuyên gia thành viên khác. Động cơ tham gia của họ thường là (i) có niềm tin rằng góp ý của NGO sẽ được nhà nước và EU lắng nghe để điều chỉnh một dự thảo Hiệp định mới như VPA/FLEGT; (ii) đó là những vấn đề tổ chức thực sự quan tâm hoặc có kinh nghiệm nghiên cứu hoặc triển khai, nhất là quyền cộng đồng đối với rừng và đất rừng; (iii) là thành viên của mạng lưới nên phải thể hiện cam kết tham gia bằng các góp ý cụ thể. Điều này đòi hỏi cơ quan điều phối SRD và BDH cần phải nỗ lực hơn trong việc khuyến khích sự tham gia tích

cực, xây dựng niềm tin và gắn kết sự đóng góp của các thành viên vào nỗ lực xây dựng chính sách liên quan đến VPA/FLEGT.

f. Vì thiếu lộ trình tham vấn và vận động chính sách, nên VNGO-FLEGT cũng chưa tận dụng được cơ hội phối hợp với các mạng lưới khác có cùng mối quan tâm về tăng cường quản trị lâm nghiệp ở Việt Nam. Các mạng lưới và nhóm mà VNGO-FLEGT có thể hợp tác như Mạng lưới lâm nghiệp xã hội Châu Á do RECOFTC điều phối, Liên minh đất rừng Việt Nam (FORLAND) do CRD điều phối, Mạng lưới quyền đất lâm nghiệp Việt Nam (LANDNet) do CIRUM điều phối, Nhóm cố vấn về Đánh giá quản trị lâm nghiệp (PGA) của UNDP và nhất là Mạng lưới REDD+ Việt Nam. Những mạng lưới này đều có kinh nghiệm tốt về thực hiện các đánh giá, tiếp cận và đối thoại chính sách lâm nghiệp cộng đồng, nhất là về quản lý rừng cộng đồng, giao đất giao rừng,... mà VNGO-FLEGT có thể học hỏi và phối hợp, nhất là một số thành viên của mạng lưới cũng là thành viên của các mạng lưới nói trên.

5 Đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới

5.1 Đề xuất cải thiện Mạng lưới REDD+

Hoạt động của Mạng lưới REDD+ đã có những kết quả tích cực, việc duy trì hoạt động Mạng lưới là cần thiết. Nhằm tăng cường hiệu quả của Mạng lưới, nghiên cứu đề xuất:

- Nhân sự có chuyên môn ít và làm việc kiêm nhiệm/bán chuyên trách của phía cơ quan quản lý là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu quả hoạt động của mạng lưới. Do đó nghiên cứu đề xuất cần tăng số lượng cán bộ chuyên trách/biệt phái của cơ quan quản lý cho hoạt động Mạng lưới. Đồng thời cần có những hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý.
- Việc tổ chức nhiều tiểu nhóm kỹ thuật thực chất không quan trọng, mà quan trọng là nội dung cuộc họp là gì. Điều này cũng được ủng hộ bởi đa phần những người được phỏng vấn: họ có thể tham gia bất kỳ cuộc họp của Tiểu nhóm nào, miễn là nội dung cuộc họp hấp dẫn họ. Do đó không nhất thiết tổ chức các cuộc họp theo 6 tiểu nhóm hiện tại. Có thể tổ chức chung nhằm tận dụng nguồn nhân lực (vốn đang hạn chế) và kinh phí hỗ trợ từ các Dự án.
- Việc có một nguồn tài chính ổn định hỗ trợ các hoạt động liên quan của Mạng lưới là rất quan trọng để duy trì sự tồn tại và đảm bảo hiệu quả hoạt động của Mạng lưới. Do đó trong dài hạn Mạng lưới cần có nguồn kinh phí độc lập. Các dự án REDD+ hiện có cần cam kết về giá trị hỗ trợ cho sinh hoạt Mạng lưới.
- Hoạt động sinh hoạt Mạng lưới và Tiểu nhóm cần được tổ chức chặt chẽ hơn. Vai trò chủ trì/đồng chủ trì có thể luân phiên trong các thành viên, và không nhất thiết là đại diện cơ quan quản lý, nhằm tăng tính đa dạng về nội dung và tăng trách nhiệm cũng như chất lượng chia sẻ thông tin. Nên tổ chức đăng ký lại thành viên với điều kiện tham gia cụ thể. Thành phần tham gia hoạt động cụ thể nên phân cấp: họp trực tiếp về kỹ thuật chuyên sâu chỉ nên dành cho cán bộ kỹ thuật hơn là cho tất cả mọi người, những thành viên khác tiếp cận thông tin thông qua website và/hoặc email chung của Mạng lưới.
- Cơ quan quản lý cần có định hướng rõ ràng và quyết đoán hơn trong việc ra quyết định các vấn đề thảo luận, giúp hoạt động Mạng lưới hiệu quả hơn.

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

- Để tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, qua đó giúp nâng cao nhận thức và năng lực của các bên quan tâm, các tài liệu liên quan cần có cả 2 ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, và được đăng tải đầy đủ trên trang web của Mạng lưới.
- Việc tổng hợp thông tin (briefing) gửi tới lãnh đạo cấp cao/có tiếng nói quyết định là rất cần thiết và quan trọng. Mạng lưới nên xuất bản Bản tin (Brief) định kỳ.
- Để hoạt động của mạng lưới hiệu quả, cần có một bộ phận hỗ trợ thường xuyên, nhằm đảm bảo việc thông tin liên lạc, chuẩn bị cuộc họp/hội nghị, dịch tài liệu liên quan.
- Các tỉnh hiện đang có các hoạt động REDD+ (6 tỉnh UN REDD Pha 2, 3 tỉnh FCPF,...) cần tham gia tích cực và đầy đủ trong các hoạt động của mạng lưới.
- Mạng lưới REDD+ nên tổ chức theo kiểu FSSP: mỗi vùng sinh thái có 1 nhóm, sinh hoạt định kỳ, có kinh phí từ FSSP.

4.2.2.5 Bài học

Từ những đánh giá ban đầu về hiệu quả của mạng lưới nói trên, có thể khẳng định rằng sự hiện diện của VNGO-FLEGT đã mang lại những đóng góp tích cực cho tiến trình đàm phán VPA/FLEGT của Chính phủ Việt Nam với EU thông qua các nội dung góp ý cho các dự thảo LD và TLAS, cũng như chuyên tải mối quan tâm của cộng đồng địa phương về tính hợp pháp của gỗ lên cơ quan đàm phán từ kết quả tham vấn do mạng lưới tiến hành. Đồng thời, mạng lưới đã góp phần tạo thêm một diễn đàn mở để các tổ chức NGO trong và ngoài nước, các chuyên gia lâm nghiệp, các nhà tài trợ cùng phối hợp, chia sẻ thông tin và nguồn lực nhằm thúc đẩy quản trị tốt hơn hoạt động lâm nghiệp.

Kinh nghiệm 2 năm hoạt động và phát triển của VNGO-FLEGT, như một quá trình học hỏi, đã cho thấy những bài học quan trọng về kiến tạo giá trị của một mạng lưới xã hội dân sự trong các tiến trình xây dựng và phát triển chính sách như sau:

a. Mục tiêu của mạng lưới phải hướng đến thúc đẩy quản trị tốt hoạt động lâm nghiệp: đây là bài học về tầm nhìn của mạng lưới. Xác định vai trò là một bên liên quan trong tiến trình chính sách, mục tiêu của VNGO-FLEGT không nên chỉ xác định trong phạm vi của VPA/FLEGT mà cần phải hướng đến bối cảnh và yêu cầu rộng hơn về cải cách, tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, thực hiện kế hoạch hành động bảo vệ phát triển rừng đến 2020, chương trình hành động quốc gia về biến đổi khí hậu hay tăng trưởng xanh. Cụ thể hơn, ít nhất mạng lưới cũng phải hiểu được các lộ trình và kế hoạch xây dựng chính sách của nhà nước có liên quan đến hoạt động lâm nghiệp để hoạch định được cơ hội tham gia. Xây dựng được tầm nhìn tốt sẽ giúp mạng lưới lựa chọn được hướng hoạt động phù hợp với khả năng của mình.

b. Mạng lưới phải tạo ra giá trị: mạng lưới VNGO-FLEGT phải khẳng định được giá trị đóng góp của mình đối với tiến trình chính sách lâm nghiệp nói chung và VPA/FLEGT nói riêng của nhà nước, đồng thời phải tạo nên một diễn đàn để thúc đẩy sự tham gia tích cực của các thành viên và các bên quan tâm khác. Đây là mối quan hệ nhân quả. VNGO-FLEGT phải thực sự mang lại lợi ích cho các thành viên tham gia, để gắn kết họ vào các hoạt động tham vấn, nghiên cứu và vận động, tạo ra các thông tin và góp ý chính sách tốt được cơ quan nhà nước đánh giá cao và sử dụng. Mạng lưới cần xác định rõ đối tượng phục vụ của mình là các cộng đồng địa phương (sống dựa vào rừng) để giúp chuyên tải được tiếng nói và mối quan tâm của họ vào quá trình chính sách của nhà nước, nhất là về quyền đối với rừng và chia sẻ lợi ích công bằng. Do đó, vai trò cầu nối hay tính chất độc lập của mạng lưới là rất cần thiết.

c. Mạng lưới phải có chiến lược hoạt động rõ ràng: kế hoạch hoạt động mạng lưới dựa trên các dự án ngắn hạn (hàng năm) do BDH quyết định có thể làm suy giảm số lượng và chất lượng tham gia của các thành viên. Dựa trên tầm nhìn dài hạn và các giá trị chia sẻ, mạng

lưới phải xây dựng được một chiến lược từ 3-5 năm có sự tham gia của tất cả các thành viên, để họ thấy được lợi ích, lồng ghép vào chương trình hoạt động của tổ chức và cam kết theo đuổi. Từ chiến lược đó, mạng lưới sẽ cùng phát triển các lộ trình, kế hoạch để thực hiện các mục tiêu cụ thể (tham gia, tăng cường nhận thức và năng lực, và tác động lên chính sách) dựa trên đóng góp của các thành viên và liên kết với các mạng lưới, bên liên quan khác (như chuyên gia, báo chí). Một hệ thống giám sát kết quả thực hiện cho VNGO-FLEGT cũng cần được lồng ghép vào chiến lược này.

d. Mạng lưới phải có nguồn lực để hoạt động và phát triển: nguồn lực tài chính của VNGO-FLEGT dường như đã được đảm bảo đến năm 2016, tuy nhiên để gia tăng sự đóng góp của mạng lưới thì việc huy động nguồn lực con người từ các tổ chức và cá nhân tham gia có tính quyết định hơn. Năng lực đóng góp của các thành viên để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, tham vấn, phân tích chính sách, tạo ra các sản phẩm thông tin có giá trị cho quá trình chính sách được xem là điểm cốt lõi cho thành công của mạng lưới.

5.2 Đề xuất cải thiện mạng lưới VNGO-FLEGT

6 Đề xuất liên kết mạng lưới

6.1 Phân tích cơ hội và thách thức

Bên cạnh xem xét hiệu quả của hai mạng lưới độc lập, nghiên cứu cũng bàn về khả năng liên kết hai mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT. Bảng sau tổng hợp các điểm tương đồng và những khác biệt liên quan đến hai mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT, làm cơ sở cho việc cân nhắc liên kết.

Bảng 6: Những điểm tương đồng và khác biệt của hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT

Tiêu chí	Tương đồng	Khác biệt	
		REDD+	VNGO-FLEGT
Bối cảnh	- Đáp ứng cam kết quốc tế về giảm phát thải từ rừng - Hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG về BĐKH, Chiến lược Tăng trưởng xanh, KHHĐ quốc gia về BVPTTR đến 2020	Đang trong quá trình thử nghiệm và xác định các chính sách, biện pháp can thiệp cho 5 mục tiêu của REDD+ (PaM, Safeguards, MRV)	Đang đàm phán và xác định khung pháp luật và kỹ thuật điều chỉnh thương mại gỗ hợp pháp (LD, TLAS)
Tính pháp lý		Có quyết định thành lập của Bộ NN-PTNT	-
Cơ cấu tổ chức và điều hành	Có thiết chế điều hành và điều phối mạng lưới (REDD+: VRO và Ban cố vấn/Tổ công tác kỹ thuật REDD+; VNGO-FLEGT: Ban điều hành và tổ chức điều phối)	BCĐ quốc gia và cấp tỉnh	Tổ cố vấn tự nguyện
		Các tiểu nhóm kỹ thuật	Các nhóm nghiên cứu theo khu vực
	Cơ quan điều phối ra quyết định (VRO; SRD)	Quyết định của tổ chức đồng chủ trì các tiểu nhóm kỹ thuật (tổ chức và nội dung hợp)	Quyết định của BDH về kế hoạch thực hiện dự án và hoạt động
	Có cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý (Tổng cục Lâm nghiệp)	Cơ quan quản lý chủ động tham gia (đồng chủ trì, co-partner)	Cơ quan quản lý không chủ động tham gia (audience)
Thành phần mạng lưới	Đa dạng thành phần tham gia cấp trung ương và địa phương	Có đầy đủ thành phần (nhà nước, phi chính phủ, tư nhân)	Chỉ có tổ chức ngoài nhà nước
	Đa số thành viên VNGO-FLEGT cũng là thành viên của Mạng lưới REDD+ quốc gia		
	Không có đại diện cộng đồng		
	Thành phần phi/ngoài nhà nước tham gia tự nguyện		
Mục đích	Thúc đẩy sự tham gia của nhiều bên liên quan nhằm tăng cường hiệu quả quản trị lâm nghiệp		
Mục tiêu mạng lưới		Điều phối và hỗ trợ xây dựng sẵn sàng thực hiện REDD+ tại Việt	Tăng cường tham gia của XHDS vào tiến trình đàm phán và thực

(Bản thảo dùng thu nhận góp ý, đề nghị không sử dụng thông tin trong báo cáo này cho bất kỳ mục đích nào khác.)

		Nam	hiện VPA/FLEGT
Nhiệm vụ mạng lưới		Tham gia xây dựng và đánh giá thực hiện KHHĐ REDD+ quốc gia	Hỗ trợ cộng đồng lâm nghiệp tham gia vào tiến trình VPA/FLEGT
Phạm vi hoạt động (lĩnh vực, không gian, thời gian)	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý rừng bền vững - Tăng cường khung chính sách pháp luật QLBVPT rừng và thực thi lâm luật - Đảm bảo an toàn môi trường xã hội trong lâm nghiệp (quyền tiếp cận rừng/đất rừng, chia sẻ lợi ích) - Giám sát thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động thí điểm sẵn sàng thực hiện REDD+ như REL, RL, PRAP, FPIC, PGA, BDS, PFM (PCM, PBM),... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của gỗ và thực thi luật BVPT 2004 - Đánh giá tác động sinh kế của VPA/FLEGT
Cách tiếp cận	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ xây dựng khung chính sách phù hợp - Nâng cao nhận thức và năng lực 	<ul style="list-style-type: none"> - Có khung chính sách quốc gia định hướng (NRAP) - Tạo ra các diễn đàn chia sẻ thông tin và hỗ trợ triển khai hoạt động có sự tham gia của cơ quan quản lý 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có chiến lược/khung hoạt động định hướng - Tham vấn và kết nối cộng đồng đến quá trình chính sách thông qua nghiên cứu thực chứng và chia sẻ thông tin
Đối tượng tác động	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quản lý và cộng đồng, và các tổ chức XHDS 		
Hệ thống hỗ trợ kỹ thuật và tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào dự án (project-based) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng (chính phủ, tổ chức quốc tế, INGOs) 	<ul style="list-style-type: none"> - INGOs và tổ chức quốc tế

CƠ HỘI KẾT NỐI

Cơ hội về kỹ thuật:

- Cùng các chủ đề ưu tiên: Quyền tiếp cận tài nguyên, chia sẻ lợi ích và đảm bảo sinh kế/giảm nghèo (quyền với rừng/ carbon/đất rừng (kiểm tra lại safeguard synergies)
- Kết nối qua hoạt động tăng cường nhận thức và năng lực: SFM, FPIC, PGA, PFM, tăng cường thực thi luật pháp
- Kết nối qua TLAS và LD? – LD/TLAS đóng góp vào khung PLR của REDD+ safeguards và ngược lại/cơ chế giải quyết khiếu nại tố cáo-xử lý xung đột
- Kết nối qua giám sát thực hiện VPA/FLEGT
- Cùng hỗ trợ cho các quá trình xây dựng chính sách-luật pháp liên quan (các Nghị định, Quyết định TTg và sửa đổi Luật BVPT 2004)

Cơ hội về thể chế (Institutional structures):

- Cơ quan chủ quản/đầu mối chịu trách nhiệm chính: Tổng cục lâm nghiệp
- Vai trò thống nhất của Vụ KHCN-HTQT về quản lý điều phối, tham mưu điều hành và hỗ trợ kỹ thuật tổ chức thực hiện REDD+ và VPA/FLEGT
- Vai trò của các văn phòng FSSP, VRO, Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey (mạng lưới REDD+ được hình thành sau khi tách ra từ FSSP) – hiện tại không ổn?
- Đóng góp của các nhà tài trợ cho cả hai sáng kiến: EU, EFI (EU-REDD Facility, EU-FLEGT Facility), FAO, GIZ, DFID, USAID/VFD
- Đóng góp của các tổ chức kỹ thuật: RECOFTC, SFMI, FIPI, VAFS, Đại học lâm nghiệp, CIFOR, ICRAF, GIZ, SNV, WWF, Winrock Intl, Forest Trends
- Nhóm các chuyên gia lâm nghiệp có thể là cầu nối.

THÁCH THỨC KHI KẾT NỐI:

- Hiểu biết và năng lực kỹ thuật của VNGOs hạn chế: MRV, chế biến gỗ, FSC, CoC, hệ thống pháp luật lâm nghiệp và thực thi trong thực tế, hệ thống thể chế ngành lâm nghiệp Việt Nam, quá trình chính sách của nhà nước; năng lực về nghiên cứu thực chứng, báo cáo, vận động chính sách.
- Tính độc lập của các tổ chức được phân công chịu trách nhiệm REDD+ và FLEGT khác nhau: chức năng điều phối? Điều phối có vấn đề → hạn chế tương tác và giao tiếp (có sự tham gia của cá nhân, nhưng thiếu vắng sự quyết định và follow-up của các bên liên quan)
- Nghi ngờ/băn khoăn về động lực/niềm tin/mối quan tâm về triển vọng tương lai: REDD+ không chắc chắn về lợi ích kinh tế, trong khi đóng góp của ngành gỗ lớn (5.5 tỷ USD 2013)
- Rủi ro về việc đảm bảo nguồn tài chính dài hạn cho sự tồn tại và hoạt động của các mạng lưới trong dài hạn
- Tỷ lệ tổ chức VNGO tham gia 2 mạng lưới thấp.

7 Kết luận

Nhìn một cách tổng thể, hoạt động mạng lưới như Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT có kết quả tích cực trong việc kết nối các bên quan tâm và liên quan, chia sẻ thông tin và nâng cao nhận thức, cũng như (một phần) xây dựng năng lực cho các bên tham gia. Các mạng lưới đã có tác động nhất định đối với tiến trình xây dựng và ra quyết định chính sách cấp trung

ương. Đặc biệt Mạng lưới (REDD+) đã là một diễn đàn tốt kết nối cơ quan quản lý với các bên ngoài nhà nước (bao gồm cả trong nước và nước ngoài).

Tuy nhiên để có được hiệu quả hoạt động cao hơn của các mạng lưới, hướng tới Sự tham gia, Nâng cao nhận thức và năng lực, Tác động đến tiến trình xây dựng chính sách pháp luật liên quan, và đặc biệt là tận dụng nguồn lực của các mạng lưới, nghiên cứu đề xuất một loạt các biện pháp, trong đó có chỉ ra cơ hội kết nối một phần hoạt động tương đồng của hai mạng lưới.

Mặc dù có những cơ hội cho kết nối một phần hoạt động trao đổi, thảo luận một số vấn đề kỹ thuật tương đồng, nhóm nghiên cứu cho rằng những điểm sau cần cân nhắc/xem xét. Chúng là điều kiện tiên quyết để các kết nối thành công và hiệu quả:

- Cấu trúc quản lý và vận hành: Các hoạt động sinh hoạt trực tiếp có thể có hoặc không có sự tham gia trực tiếp của Nhà nước. Nhưng cần đảm bảo có sự tham gia ở mức độ nhất định của phía nhà nước (để đảm bảo tính ổn định và dài hạn). Kênh truyền tải thông tin cũng như sự thừa nhận/công nhận của phía nhà nước đối với các thiết chế (mạng lưới) là rất quan trọng. Thông tin phải được truyền tải đến phía chính phủ và việc phản hồi properly phải được đảm bảo.
- Nguồn lực vận hành: Cần đảm bảo nguồn tài chính hỗ trợ đầy đủ và dài hạn; Nhân sự chủ chốt cũng cần có đủ số lượng và năng lực
- Thành viên tham gia có chọn lọc và phù hợp. Cần có nhóm core có mức độ tham gia sâu rộng hơn, và các thành phần còn lại có thể tiếp cận từ xa...

Phụ lục

DRAFT